



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

17

Tháng 9 - 2012

Hội thảo “Thị trường Bất động sản - Giải pháp và các cơ hội tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng”

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2012



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

17

SỐ 17- 9/2012

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị quyết số 40/NQ-CP của Chính phủ ban hành 5
Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông
báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế
hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh
xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”
- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP của Chính phủ về cấp 6
giấy phép xây dựng
- Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ 8
sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
- Nghị định số 68/2012/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa 10
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2009/NĐ-
CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và
lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng
- Quyết định số 36/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính 11
phủ ban hành Quy Chế Tổ chức Giải thưởng Quốc gia về
chất lượng công trình xây dựng

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân 12
dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, chế độ thu,
nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá
tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa
bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
- Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân 13
dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định mức thu, quản
lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Dự án "Điều tra, khảo sát và đánh giá tác 15 động của biến đổi khí hậu đến nhà ở tại các tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung"
- Nghiệm thu đề tài: Dự thảo Tiêu chuẩn TCXD- 16 VN...:2011 "Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế" soạn thảo theo SP 24.13330. 2011 "SNiP 2.02.03.85. Móng cọc"
- Hội nghị nghiệm thu các đề tài cấp Bộ do Bệnh viện 17 Xây dựng thực hiện
- Hội nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng Trung 18 du miền núi Bắc Bộ đến năm 2030
- Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về Kết cấu hạ tầng 20
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã 22 Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang) là đô thị loại III
- Bê tông chịu nhiệt - loại vật liệu có hiệu quả cao trong 24 xây dựng các công trình công nghiệp
- Những vấn đề và triển vọng của các giải pháp thiết kế 26 kiến trúc đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật của thành phố Moskva (Nga)
- Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy và cấp nước 28 cho nhà siêu cao tầng

Thông tin

- Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị làm việc 31 với Viện Khoa học công nghệ Xây dựng
- Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cơ quan Bộ 32 Xây dựng lần thứ VII, nhiệm kỳ 2012- 2017
- Hội thảo góp ý Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định 34 số 88/2007/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp
- Hội thảo "Thị trường bất động sản - Giải pháp và cơ 36 hội tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng"
- Giải pháp quy hoạch sinh thái ít ô nhiễm ở khu vực 37 Xikezhan Tê Nam
- Kiểm soát nhà ở thu nhập hỗn hợp 43
- Tối ưu hóa thiết kế hạng mục công trình 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị quyết số 40/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”

Ngày 09/8/2012, Chính phủ đã có Nghị quyết số 40/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công” với mục tiêu là xác định, phân công và tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ chủ yếu của các cơ quan quản lý nhà nước trong thời gian tới với quyết tâm cao hơn, đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện hơn, góp phần thực hiện được mục tiêu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt.

Nghị quyết quy định những nhiệm vụ chủ yếu của chương trình hành động của Chính phủ. Nhiệm vụ thứ nhất là nâng cao nhận thức về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công. Các cơ quan chức năng ở các cấp thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục và vận động nhằm quán triệt sâu rộng, tạo sự thống nhất về nhận thức trong toàn xã hội về các nội dung và tinh thần của việc đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công; các cơ quan chức năng ở các cấp tham mưu cho các

cấp ủy đảng cùng cấp trong việc ban hành và triển khai các nghị quyết, chỉ thị về chủ trương, kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm tạo chuyển biến về tư tưởng, nâng cao nhận thức của xã hội về sự cần thiết, tính cấp bách của việc đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đồng thời khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển dịch vụ sự nghiệp công.

Nhiệm vụ thứ hai trong chương trình hành động của Chính phủ là hoàn thiện thể chế bảo đảm đồng bộ các yếu tố thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công, theo đó, hoàn thiện thể chế về cơ cấu và phương thức đầu tư của Ngân sách nhà nước (NSNN) được đặt lên hàng đầu. Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tăng cường đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất các hoạt động sự nghiệp công cơ bản và thực hiện cơ cấu lại chi thường xuyên NSNN đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; bảo đảm thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người có công, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số để được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản thiết yếu với chất lượng ngày càng cao hơn. Hoàn thiện thể chế về cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: tăng cường phân cấp và thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao

hơn cho các đơn vị sự nghiệp công lập đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính; thực hiện minh bạch hóa các hoạt động liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công lập, khắc phục tình trạng công - tư lẫn lộn, đổi mới cơ chế phân phối theo hướng vừa đảm bảo quyền lợi của người lao động vừa có tích lũy để tái đầu tư tăng cường cơ sở vật chất của đơn vị sự nghiệp công lập. Hoàn thiện thể chế về cơ chế tự chủ về thực hiện nhiệm vụ và tổ chức bộ máy đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh phân công, phân cấp, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và số người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập; đổi mới cơ chế quản lý đội ngũ viên chức phải bảo đảm tính kế thừa và phát triển, thích ứng với việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập, phù hợp với các quy luật của nền kinh tế thị trường, bảo đảm tính cạnh tranh với khu vực ngoài công lập. Hoàn thiện thể chế về cơ chế đặt hàng, mua hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công: xây dựng và ban hành hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí, tiêu

chuẩn của từng loại hình dịch vụ sự nghiệp công để làm căn cứ đặt hàng, giao nhiệm vụ; đổi mới cơ chế tính giá đặt hàng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh việc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công; tăng cường hoàn thiện các công cụ quản lý và vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công. Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công phải gắn liền với cải cách thủ tục hành chính; hiện đại hóa, tin học hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo Nghị quyết này, Bộ Tài chính chủ trì trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Nhà nước về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Nghị định số 64/2012/NĐ-CP của Chính phủ về cấp giấy phép xây dựng

Ngày 04/09/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 64/2012/NĐ-CP quy định chi tiết về việc cấp giấy phép xây dựng cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ đầu tư xây dựng công trình.

Nghị định này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng; giám sát thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng; quyền và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng.

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ đầu tư

xây dựng công trình; tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và giám sát thực hiện xây dựng theo giấy phép xây dựng trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Theo Nghị định, đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị để được xem xét cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn. Đối với công trình không theo tuyến chỉ được cấp giấy phép xây dựng tối đa 2 giai đoạn, bao gồm giai đoạn xây dựng phần móng và tầng hầm (nếu có) và giai đoạn

xây dựng phần thân của công trình. Đối với dự án gồm nhiều công trình, chủ đầu tư có thể đề nghị để được xem xét cấp giấy phép xây dựng cho một, nhiều hoặc tất cả các công trình thuộc dự án.

Nghị định nêu rõ, trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ một số trường hợp như xây dựng công trình bí mật Nhà nước, công trình theo lệnh khẩn cấp, công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính và các công trình khác theo quy định của Chính phủ được miễn giấy phép xây dựng; công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt...

Các loại công trình và nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng khi đáp ứng các điều kiện phù hợp với quy hoạch xây dựng, mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư. Tùy thuộc vào quy mô, tính chất, địa điểm xây dựng, công trình được cấp giấy phép xây dựng phải tuân thủ các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; đảm bảo an toàn công trình và công trình lân cận, và các yêu cầu về giới hạn tĩnh không, độ thông thủy, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật (giao thông, điện nước, viễn thông), hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa và đảm bảo khoảng cách đến các công trình dễ cháy, nổ, độc hại, các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

Hồ sơ thiết kế xây dựng phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện; thiết kế phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đối với nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn nhỏ hơn 250m², dưới 3 tầng và không nằm trong khu vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa thì chủ đầu tư được tự tổ chức thiết kế xây dựng và tự chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các công trình lân cận.

Ngoài việc đáp ứng các điều kiện chung nêu trên, công trình xây dựng và nhà ở riêng lẻ để được cấp giấy phép xây dựng còn phải đáp ứng các điều kiện riêng.

Cụ thể, đối với công trình và nhà ở riêng lẻ trong đô thị, phải phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết, thì phải phù hợp với Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Công trình xây dựng dân dụng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ngoài đô thị, phải phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản (đối với công trình xây dựng không theo tuyến), hay phải phù hợp với vị trí và phương án tuyến đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản (đối với công trình xây dựng theo tuyến).

Cũng trong nghị định này, nhà ở riêng lẻ tại nông thôn phải phù hợp với quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Đối với công trình ở khu vực chưa có quy hoạch điểm dân cư nông thôn được duyệt thì phải phù hợp với quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý trật tự xây dựng.

Nghị định cũng quy định công trình được cấp giấy phép xây dựng tạm (chỉ cấp cho từng công trình, nhà ở riêng lẻ, không cấp theo giai đoạn và cho dự án) khi đáp ứng các điều kiện: nằm trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch điểm dân cư nông thôn (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước

có thẩm quyền; phù hợp với mục đích sử dụng đất, mục tiêu đầu tư; đảm bảo an toàn cho công trình, công trình lân cận và các yêu cầu về môi trường, phòng cháy chữa cháy, hạ tầng kỹ thuật...; phù hợp với quy mô công trình và thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, theo quy định tại Nghị định này, bao gồm đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng; bản sao có chứng thực các giấy tờ liên quan tới công trình xây dựng; hai bản vẽ thiết kế do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện và đã được chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Nghị định cũng quy định cụ thể ba trường hợp bị thu hồi giấy phép xây dựng như giấy phép xây dựng được cấp không đúng theo quy định hiện hành; sau sáu tháng kể từ ngày được gia hạn giấy phép xây dựng mà chủ đầu tư chưa khởi

công xây dựng công trình; quá thời hạn ghi trong văn bản xử lý vi phạm, đối với trường hợp xây dựng sai với giấy phép xây dựng được cấp mà chủ đầu tư vẫn chưa khắc phục các vi phạm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thu hồi giấy phép xây dựng của cấp có thẩm quyền đối với các trường hợp thu hồi giấy phép xây dựng nêu trên, nếu chủ đầu tư không nộp lại giấy phép xây dựng cho cơ quan cấp phép thì cơ quan cấp phép hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyết định công bố hủy giấy phép xây dựng, đồng thời thông báo với Ủy ban Nhân dân cấp xã và đăng trên mạng thông tin của Sở Xây dựng.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 20/10/2012.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Nghị định số 67/2012/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

Ngày 10/09/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2012/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Nghị định này đã sửa đổi Điều 19 của Nghị định số 143 về “Mức thu thủy lợi phí và miễn thủy lợi phí” với biểu mức thu thủy lợi phí đối với đất trồng lúa cho các vùng miền núi cả nước, đồng bằng sông Hồng, trung du Bắc bộ và Bắc khu IV, Nam khu IV và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long với các hình thức tưới tiêu bằng động lực, trọng lực và trọng lực kết hợp với động lực. Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây

công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức thu thủy lợi phí bằng 40% mức thủy lợi phí đối với đất trồng lúa. Mức thủy lợi phí áp dụng đối với sản xuất muối tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm. Biểu mức thu tiền nước đối với tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để phục vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực được quy định cụ thể theo các biện pháp công trình như bơm điện hay hồ đập, kênh cống.

Căn cứ tình hình thực tế từng giai đoạn cụ thể, Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mức thu tăng tối đa 30% so với mức thu quy định tại Nghị định này trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp cần điều chỉnh mức thu vượt

30% so với mức quy định tại Nghị định này thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính trình Chính phủ quyết định.

Theo quy định tại Nghị định này, mức thủy lợi phí được tính ở vị trí công đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định vị trí công đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước cho từng hệ thống công trình theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổ chức hợp tác dùng nước thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng nước về mức phí dịch vụ lấy nước từ sau công đầu kênh đến mặt ruộng (kênh nội đồng), mức phí này không được vượt quá mức trần do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định.

Nghị định này cũng quy định miễn phí thủy lợi đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm, diện tích đất làm muối; miễn phí thủy lợi đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao hoặc công nhận cho hộ nghèo; miễn phí thủy lợi đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp cho các đối tượng hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao hoặc công nhận đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất, hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh hoặc các công ty nông nghiệp chuyển đổi từ nông trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật, hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của nông trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật, hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền sử dụng đất nông nghiệp góp đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của

Luật hợp tác xã.

Phạm vi thực hiện miễn thu thủy lợi phí được tính ở từ vị trí công đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi. Mức miễn thu thủy lợi phí đối với trường hợp sử dụng nước từ các công trình thủy lợi được tính theo mức quy định tại Nghị định này.

Nghị định này cũng bổ sung thêm Điều 19a về “Chính sách đối với các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi và việc ngân sách nhà nước cấp bù do thực hiện miễn thu thủy lợi phí”. Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi được ngân sách nhà nước cấp bù số tiền do thực hiện miễn thu thủy lợi phí quy định tại Nghị định này. Mức cấp bù thủy lợi phí được thực hiện theo nguyên tắc một diện tích, một biện pháp tưới tiêu và một mức thu theo quy định tại Nghị định này.

Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 27 về việc xây dựng trình Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp quản lý các công trình thủy lợi, các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, định mức về quản lý khai thác, duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi và chỉ đạo biện pháp tưới tiết kiệm nước và xây dựng chính sách khuyến khích tưới tiết kiệm nước.

Ngoài ra, Nghị định này còn sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 28 về việc phối hợp giữa Bộ Tài chính với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành liên quan trong công tác hướng dẫn thực hiện các quy định về đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp của các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sở hữu nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi; ban hành văn bản hướng dẫn lập dự toán, cấp phát, quản lý, thanh, quyết toán kinh phí khi thực hiện chính sách miễn thu thủy lợi phí; tổng hợp dự toán chi ngân sách do miễn thu thủy lợi phí của các công ty quản lý,

khai thác công trình thủy lợi trung ương và các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung nước báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước; thực hiện kiểm tra, giám sát miễn thu thủy lợi phí và việc sử dụng ngân sách cấp cho các công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức hợp tác dùng nước. Nghị định này đã bổ sung các Khoản 10, 11, 12, 13, 14 vào Điều 29 Nghị định số 143/2003/NĐ-CP. Theo đó, thực hiện phân cấp quản lý cụ thể các công trình thủy lợi theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; giám sát việc xây dựng ban hành các định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật cho các công ty quản lý khai thác công trình thủy lợi và tổ chức hợp tác dùng

nước; hàng năm xây dựng dự toán cấp bù thủy lợi phí được miễn cho các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định, sau đó tổng hợp để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về mức kinh phí hỗ trợ; giám sát việc thực hiện thu, chi, thanh, quyết toán các khoản hỗ trợ của ngân sách; tổ chức sắp xếp lại các công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi của tỉnh theo chính sách thu thủy lợi phí quy định tại Nghị định này.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Nghị định số 68/2012/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng

Ngày 12/09/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2012/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật xây dựng.

Cụ thể, Nghị định này đã bổ sung Điểm c vào Khoản 1 Điều 12 với nội dung thành phần hồ sơ trình thẩm định kế hoạch đấu thầu thực hiện như thành phần hồ sơ trình duyệt kế hoạch đấu thầu quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP. Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 15 đối với đấu thầu rộng rãi: chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời quan tâm bao gồm các nội dung yêu cầu về năng lực chuyên môn và số lượng chuyên gia, yêu cầu về kinh nghiệm; tiêu chuẩn

đánh giá hồ sơ quan tâm được xây dựng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” và cần được nêu trong hồ sơ mời quan tâm; thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm (kể cả tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế) phải được đăng tải trên Báo Đấu thầu 03 kỳ liên tiếp và trên trang thông tin điện tử về đấu thầu cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng khác; kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời nộp hồ sơ quan tâm đến trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ quan tâm, bên mời thầu phát hành miễn phí hồ sơ mời quan tâm cho các nhà thầu có nhu cầu tham gia; nhà thầu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ quan tâm đến địa chỉ của bên mời thầu trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ quan tâm; thời gian để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ quan tâm tối thiểu là 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế, kể từ ngày

đầu tiên phát hành hồ sơ mời quan tâm; bên mời thầu đánh giá hồ sơ quan tâm do nhà thầu nộp theo tiêu chuẩn đánh giá, lựa chọn và trình chủ đầu tư phê duyệt danh sách ngắn.

Cũng theo Nghị định này, Điều 60 đã được bổ sung thêm Khoản 2 và Khoản 3, đơn kiến nghị phải có chữ ký của người ký đơn dự thầu hoặc đại diện hợp pháp của nhà thầu, được đóng dấu (nếu có), và được nộp trực tiếp hoặc được gửi đến địa chỉ của người có trách nhiệm giải quyết kiến nghị.

Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 71 về bản chụp Quyết định đầu tư và các tài liệu để ra quyết định đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập, Điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế (nếu có), bản chụp Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu thầu; bản chụp hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu kèm theo bản chụp Quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; bổ sung Điểm c vào Khoản 2 Điều 72 với nội dung thành phần hồ sơ trình thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện như thành phần hồ sơ trình duyệt về kết quả lựa chọn nhà thầu; đồng thời bổ sung Mẫu đơn kiến nghị.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2012.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 36/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Tổ chức Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng

Ngày 06/09/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 36/2012/QĐ-TTg về Quy chế Tổ chức Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng.

Quyết định này quy định công trình được đăng ký tham dự Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng bao gồm các loại công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật có quy mô từ cấp III trở lên; công trình tham dự xét thưởng là công trình đã được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng tối thiểu hết thời gian bảo hành tính đến thời điểm đăng ký tham dự xét thưởng; và công trình vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, đầu thầu, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan không được xem xét giới thiệu, đăng ký để xét thưởng.

Việc đăng ký tham dự xét, tặng Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Hoạt động xét và trao tặng Giải thưởng phải đảm bảo công khai, khách quan, công bằng theo phương

pháp chuyên gia đánh giá, cho điểm trên cơ sở các tiêu chí xét thưởng: chất lượng công trình (về an toàn chịu lực, công năng sử dụng và kiến trúc); an toàn trong thi công xây dựng, an toàn phòng, chống cháy, nổ và việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường; công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình, sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, các quy trình, quy phạm trong xây dựng; việc thực hiện đúng tiến độ xây dựng công trình đã được cơ quan, cấp có thẩm quyền phê duyệt; ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong xây dựng; đánh giá của người quản lý, sử dụng công trình và dư luận xã hội về chất lượng công trình tham dự Giải thưởng. Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng được tổ chức hai năm một lần.

Quyết định quy định Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì tổ chức Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng, cơ quan Thường trực của Giải thưởng là Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

(Bộ Xây dựng), Hội đồng Quốc gia xét tặng Giải thưởng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thành lập theo đề nghị của các Bộ, cơ quan có liên quan, làm việc theo nguyên tắc bàn bạc thống nhất của các thành viên có mặt. Các phiên họp của Hội đồng Quốc gia phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, các quyết định của Hội đồng Quốc gia chỉ có giá trị khi được ít nhất 3/4 số thành viên có mặt bỏ phiếu kín đồng ý. Tổ Chuyên gia do Chủ tịch Hội đồng Quốc gia quyết định thành lập theo đề nghị của Cơ quan Thường trực của Giải thưởng, bao gồm các cán bộ, công chức thuộc các Bộ, ngành, cơ quan và các tổ chức có liên quan.

Trình tự, thủ tục xét thưởng Giải thưởng được quy định chi tiết trong quyết định này. Theo đó, các công trình xây dựng có chất lượng cao, tiêu biểu được xem xét, giới thiệu, đề cử và lập hồ sơ đăng ký tham dự Giải thưởng. Tổ Chuyên gia phối hợp với Cơ quan thường trực của Giải thưởng xem xét các hồ sơ đăng ký, chọn ra những hồ sơ đủ điều kiện để xét tuyển và tiến

hành công tác đánh giá theo phương thức: đánh giá trên hồ sơ; đánh giá tại chỗ; đánh giá độc lập và tiến hành chấm điểm đối với từng công trình căn cứ các tiêu chí xét thưởng; họp, trao đổi, thống nhất lập danh sách các công trình được đề xuất vào vòng chung tuyển và gửi các hồ sơ liên quan lên Hội đồng Quốc gia. Hội đồng Quốc gia thực hiện công tác bình chọn chung tuyển, bao gồm đánh giá, thẩm định các hồ sơ đánh giá và đề xuất của Tổ Chuyên gia, xét chọn các công trình chất lượng cao, tiêu biểu nhất để báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, lập danh sách và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Giải thưởng. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định tặng Giải thưởng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tổ chức lễ công bố và trao Giải thưởng.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2012.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 27/08/2012, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí theo quy định tại Thông tư số 03/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp,

quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản; và Thông tư số 48/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Quyết định này quy định mức thu phí đấu giá tài sản, mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

Với việc đấu giá tài sản, trường hợp bán đấu giá tài sản thành thì mức thu phí được tính trên giá trị tài sản bán được của một cuộc bán đấu giá, dưới 50 triệu đồng mức thu là 5% giá trị tài sản bán được; từ 50 triệu đồng đến 1 tỷ đồng mức thu là 2,5 triệu đồng và 1,5% giá trị tài sản bán được; từ 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng, mức thu là 16,75 triệu đồng và 0,2% giá trị tài sản bán được; từ 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng, mức thu là 34,75 triệu đồng và 0,15% giá trị tài sản bán được; từ trên 20 tỷ đồng, mức thu là 49,75 triệu đồng và 0,1% giá trị tài sản bán được. Tổng số phí không quá 300 triệu đồng/cuộc đấu giá. Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành thì trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, người có tài sản bán đấu giá, cơ quan thi hành án, cơ quan tài chính thanh toán cho tổ chức bán đấu giá tài sản, Hội đồng bán đấu giá tài sản các chi phí thực tế, hợp lý quy định tại Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP của Chính phủ về bán đấu giá tài sản, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Mức thu phí tham gia đấu giá tài sản được quy định tương ứng với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá, cụ thể: giá khởi điểm của tài sản từ 20 triệu đồng trở xuống, mức thu là

50.000 đồng/hồ sơ; từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng, mức thu là 100.000 đồng; từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng, mức thu là 150.000 đồng; từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng, mức thu là 200.000 đồng; trên 500 triệu đồng, mức thu là 500.000 đồng.

Mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất được quy định theo 3 trường hợp. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân, tùy theo giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm (từ dưới 200 triệu đồng đến trên 500 triệu đồng), mức thu dao động từ 100.000 đến 500.000 đồng/hồ sơ. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân, mức thu (từ 1.000.000 đồng/hồ sơ đến 5.000.000 đồng/hồ sơ) tùy thuộc vào diện tích đất. Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên bán đấu giá.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: thuathienhue.gov.vn)

Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngày 31/08/2012, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quyết định này quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản khai thác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể:

mức thu phí đối với 1 tấn quặng sắt khai thác là 60.000 đồng, đối với quặng ti-tan là 70.000 đồng, đối với quặng vàng là 270.000 đồng, đối với quặng đất hiếm là 60.000 đồng, đối với quặng bạc, quặng thiếc là 270.000 đồng, đối với quặng von-phờ-ram, quặng ăng-ti-moan là 50.000 đồng, đối với các quặng khoáng sản kim loại khác là 30.000 đồng.

Quyết định cũng quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các khoáng sản không kim loại được khai thác trên địa bàn tỉnh như đá ốp lát, làm mỹ nghệ (70.000 đồng/m³), đá block (90.000 đồng/m³), sỏi, cuội, sạn (6.000 đồng/m³), đá làm vật liệu xây dựng thông thường (3.000 đồng/tấn), cát vàng (5.000 đồng/m³), cát làm thủy tinh (7.000 đồng/m³), đất sét, đất làm gạch, ngói (2.000 đồng/m³)...

Đối với trường hợp phát sinh các loại khoáng sản không nằm trong danh mục quy định tại Quyết định này thì được phép áp dụng mức phí tối đa theo quy định tại Nghị định số 74/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

Trường hợp đối với khai thác khoáng sản tận thu được áp dụng mức phí bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng theo quy định tại Quyết định này.

Cũng theo Quyết định này, phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách cấp huyện, thị xã, thành phố hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo các nội

dung quy định tại Điều 5 Nghị định số 74/2011/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, cụ thể là phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản; khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Quyết định này quy định cơ quan thu lệ phí có trách nhiệm thông báo hoặc niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí tại trụ sở và địa điểm tổ chức thu; khi thu, phải cấp biên lai thu lệ phí do Cục Thuế tỉnh phát hành cho người nộp tiền; thực hiện thanh, quyết toán biên lai thu lệ phí và quyết toán thu, nộp lệ phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo chế độ quản lý biên lai, ấn chỉ của Bộ Tài chính.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: thuathienhue.gov.vn)

Nghiệm thu Dự án "Điều tra, khảo sát và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến nhà ở tại các tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung"

Ngày 30/8/2012 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu Dự án "Điều tra, khảo sát và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến nhà ở tại các tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung" do Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản- Bộ Xây dựng thực hiện. Chủ tịch Hội đồng- TS. Trần Hữu Hà - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường chủ trì Hội nghị.

Theo Báo cáo của nhóm Dự án, Liên Hợp quốc cảnh báo Việt Nam là một trong những nước sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất do tác động của biến đổi khí hậu gây ra, trong đó, các tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung bị tác động nghiêm trọng. Những năm gần đây, tại các địa phương trong Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung thường xuyên phải gánh chịu thiên tai bão, lũ với cường độ và tần suất ngày càng tăng. Thiên tai xảy ra không những làm hư hỏng nhiều công trình kết cấu hạ tầng mà còn làm cho hàng trăm nghìn căn nhà bị ngập sâu trong nước, trong đó có hàng chục nghìn căn nhà bị hư hỏng, sập đổ hoặc bị nước cuốn trôi.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, năm 2011, Bộ Xây dựng đã giao Cục Quản lý nhà và Thị trường Bất động sản triển khai Dự án "Điều tra, khảo sát và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến nhà ở tại các tỉnh Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung" với mục tiêu: Đánh giá sự tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với nhà ở của người dân tại các tỉnh vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; Đề xuất giải pháp thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu tới nhà ở của người dân, làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình và kế hoạch



TS. Trần Hữu Hà - Chủ tịch HĐNT phát biểu kết luận Hội nghị

hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Xây dựng.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, nhóm Dự án đã tiến hành nghiên cứu toàn diện các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, khí hậu thủy văn, đặc điểm thiên tai, dân cư, điều kiện kinh tế xã hội, tập quán nhà ở cũng như những ảnh hưởng của thiên tai đối với nhà ở của người dân tại các tỉnh trong phạm vi của Dự án. Từ những số liệu điều tra, khảo sát thu thập được, nhóm Dự án đã tiến hành phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với nhà ở theo các kịch bản biến đổi khí hậu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố, nhận dạng và dự báo các tác động trực tiếp của thiên tai đối với nhà ở của người dân trong Vùng, đề xuất các nhóm giải pháp và các mô hình tổ chức nhà ở trong vùng bị ảnh hưởng của thiên tai, trong đó đề xuất về cơ chế chính sách hỗ trợ các hộ có khó khăn trong Vùng xây dựng nhà ở phòng chống thiên tai đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và cho phép triển khai thí điểm tại một số tỉnh trong Vùng.

Đánh giá về Dự án, các báo cáo phản biện cũng như ý kiến của các thành viên Hội đồng đều nhất trí với sự cần thiết của Dự án, đánh giá

cao những cố gắng của nhóm Dự án và các kết quả của Dự án. Những giải pháp mà Dự án đưa ra nhìn chung là phù hợp và khả thi, phù hợp với điều kiện kinh tế, kỹ thuật hiện nay của các địa phương. Kết quả của Dự án đã được triển khai thành cơ chế, chính sách cụ thể và đang được thực hiện thí điểm, được các địa phương trong Vùng quan tâm, hưởng ứng và ủng hộ. Bên cạnh những kết quả lớn đã đạt được, các thành viên Hội đồng cũng đề nghị nhóm Dự án rà soát biên tập lại tài liệu thuyết minh của Dự án ngắn gọn, súc tích hơn, đồng thời bổ sung thêm các số liệu về tác động của thiên tai đối với nhà ở của người dân một cách chi tiết hơn qua các trận bão, lũ thời gian gần đây.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Trần Hữu Hà đồng tình với nhận xét của các báo cáo phản biện và ý

kiến của các thành viên Hội đồng về việc nhóm Dự án đã triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao một cách toàn diện, chi tiết và khoa học, đề xuất được những giải pháp hợp lý, khả thi và cơ chế chính sách áp dụng cho thực tiễn. TS. Trần Hữu Hà lưu ý nhóm Dự án cần tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng để hoàn thiện thuyết minh Dự án, bổ sung thêm các phân tích về nguyên nhân thiên tai gây ảnh hưởng nặng nề đến nhà ở của nhân dân trong Vùng, bổ sung thêm những giải pháp cụ thể về quy hoạch, kỹ thuật công trình, tài chính theo đặc điểm của vùng Bắc Trung bộ và vùng Duyên hải miền Trung.

Dự án đã được Hội đồng đánh giá cao và thông qua với xếp loại Xuất sắc./.

Minh Tuấn

Nghiệm thu đề tài: Dự thảo Tiêu chuẩn TCXDVN...:2011 "Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế" soạn thảo theo SP 24.13330. 2011 "SNI 2.02.03.85. Móng cọc"

Ngày 6/9/2012, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu đề tài: Dự thảo Tiêu chuẩn TCXD-VN...:2011 "Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế" soạn thảo theo SP 24.13330. 2011 "SNI 2.02.03.85. Móng cọc" - do nhóm nghiên cứu của trường Đại học Xây dựng thực hiện. TS.Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo về các kết quả nghiên cứu, PGS.TS.Nguyễn Văn Dũng - Chủ nhiệm Đề tài cho biết, tiêu chuẩn "SNI 2.02.03.85 - Móng cọc" của Nga hiện nay đã từng được sử dụng rộng rãi ở nước ta. Các tiêu chuẩn của Việt Nam về móng cọc hiện hành cũng trích dẫn một số điều của SNI 2.02.03.85 và đưa vào trong các phụ lục tính toán. Tiêu chuẩn này được sử dụng đồng bộ với các tiêu chuẩn xây dựng khác trong hệ thống tiêu chuẩn SNI và SP của Nga. Khi áp dụng vào Việt Nam, tiêu



T.S Nguyễn Trung Hòa - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu phát biểu kết luận cuộc họp

chuẩn này phù hợp với các tiêu chuẩn về tải trọng và tác động, có thể dùng đồng bộ được với tiêu chuẩn Việt Nam như TCVN 2737:1995 - Tác động và tải trọng; TCXDVN 356:2005 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép và một số tiêu chuẩn liên quan khác. Ngoài ra, tiêu chuẩn SNI 2.02.03.85 cũng tương đồng với TCXDVN ở nhiều nội dung, (ví dụ: tính toán sức chịu tải

theo đất dựa trên chỉ tiêu cơ lý là phương pháp mang độ chính xác cao và phù hợp địa tầng Việt Nam).

Việc chuyển dịch tiêu chuẩn SP 24.13330.2011 “SNiP 2.02.03.85” sang Tiêu chuẩn Việt Nam TCXDVN...:2011 được thực hiện trên cơ sở trung thành với bản gốc, lược bớt những nội dung không phù hợp điều kiện Việt Nam. Với việc Dự thảo TCXDVN...:2011 đã cập nhật những nội dung mới nhất của SP 24.13330.2011 “SNiP 2.02.03.85”, nhóm tác giả tin tưởng tiêu chuẩn này sẽ là cơ sở tốt giúp cho công tác thiết kế móng cọc ở nước ta giải quyết được nhiều vấn đề thực tế đặt ra. Nội dung chính của tiêu chuẩn bao gồm: Phạm vi ứng dụng; Các tài liệu trích dẫn; Giải thích các thuật ngữ, định nghĩa; Nguyên tắc chung; Khảo sát địa hình; Các loại cọc và thiết kế móng cọc. Phần thiết kế móng cọc được cụ thể hóa với những chỉ dẫn cơ bản về tính toán, các phương pháp xác định sức chịu tải của cọc; đặc điểm thiết kế móng cọc kích thước lớn và dài dạng tấm; yêu cầu về cấu tạo móng cọc; thiết kế

móng cọc trong những vùng địa hình khác nhau (caxơ, địa hình sụt lún, đất khai mỏ...).

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá đây là một tài liệu chuyển dịch tốt, về cơ bản bám sát bản gốc; tuy nhiên một số vấn đề cần lược bớt cho phù hợp hơn với thực tế xây dựng của nước ta (thiết kế móng cọc trong điều kiện vùng đất đóng băng vĩnh cửu, một số phương pháp đóng cọc không có tại Việt Nam...).

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu - TS. Nguyễn Trung Hòa đồng tình với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm tác giả nghiêm túc tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện Dự thảo tiêu chuẩn và Hướng dẫn thực hiện đi kèm nội dung tiêu chuẩn trong tháng 12/2012, để Dự thảo tiêu chuẩn sớm đi vào cuộc sống, đáp ứng nhu cầu thực tế của ngành xây dựng nước ta hiện nay.

Đề tài đã được nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Hội nghị nghiệm thu các đề tài cấp Bộ do Bệnh viện Xây dựng thực hiện

Ngày 7/9/2012, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức nghiệm thu hai đề tài: “Nghiên cứu đánh giá thực trạng công tác chống nhiễm khuẩn bệnh viện (NKBV) và đề xuất quy trình chống nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế của ngành Xây dựng” – mã số RD19-08, và “Nghiên cứu đặc điểm biến đổi điện tâm đồ của CB CNV ngành Xây dựng và đề xuất biện pháp dự phòng các biến chứng tim mạch” - mã số RD18-08 do Bệnh viện Xây dựng - Bộ Xây dựng thực hiện. TS. Trần Hữu Hà - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng đã chủ trì Hội nghị.

Theo các báo cáo của TS.BS Bùi Ngọc Minh, PGĐ Bệnh viện Xây dựng - chủ nhiệm đề tài RD18-08, và BS.CKI Lê Hữu Nghị- chủ

nhiệm đề tài RD19-08, những vấn đề mà nhóm tác giả nghiên cứu tìm tòi rất thiết thực và có ý nghĩa, đặc biệt trong bối cảnh 10 năm trở lại đây, NKBV và bệnh tim mạch là nỗi bức xúc của những người làm công tác chăm lo sức khỏe cộng đồng trên toàn thế giới. Trong một ngành có nhiều đặc thù như ngành Xây dựng (tỷ lệ người lao động khá cao so với mặt bằng chung toàn xã hội; môi trường làm việc nhiều ô nhiễm do tiếp xúc thường xuyên với bụi, hơi nóng và tiếng ồn; tỷ lệ lao động tiếp xúc với bia rượu, thuốc lá - những tác nhân có hại cho sức khỏe con người - cũng rất cao...), việc nghiên cứu đánh giá thực trạng, từ đó đưa ra những đề xuất biện pháp dự phòng NKBV và các bệnh tim mạch là đúng đắn, cần thiết và kịp thời,

nhằm mục đích giảm tỷ lệ người bị lây nhiễm và bị rối loạn tim mạch, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho CB CNV ngành Xây dựng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành.

Với việc phân loại đối tượng nghiên cứu một cách khoa học, xác định các phương pháp nghiên cứu đúng đắn, xử lý số liệu và phân tích dữ liệu đúng, các nhóm tác giả đã tổng hợp được những kết quả được đánh giá là chính xác về đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu, những mối liên quan cơ bản giữa điều kiện làm việc với NKBV cũng như tình trạng rối loạn tim mạch của bệnh nhân; đề xuất những biện pháp dự phòng thích hợp và những kiến nghị hợp lý nhằm phát hiện sớm những trường hợp nhiễm bệnh, phòng tránh những biến cố đáng tiếc gây ảnh hưởng không tốt cho sức khỏe của các cán bộ công nhân viên chức và lao động ngành Xây dựng.

Các ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao tính thực tiễn, tính khoa học của 2 đề tài, với các phương pháp

thực hiện phù hợp, kết quả khảo sát đáng tin cậy, số liệu phong phú và chính xác, biểu đồ rõ ràng; đáp ứng những yêu cầu nghiên cứu của đề tài cấp Bộ và thể hiện được chức năng nhiệm vụ của các cơ sở y tế của ngành. Các thành viên Hội đồng cũng góp ý với nhóm tác giả về trình tự bố cục, về tài liệu trích dẫn, về cách dùng một số thuật ngữ sao cho nhất quán, để nhóm tác giả hoàn chỉnh các đề tài cho phù hợp với tính chất là những công trình nghiên cứu khoa học.

Kết luận cuộc họp, TS. Trần Hữu Hà bày tỏ sự đồng tình với các ý kiến phản biện và ý kiến của các thành viên Hội đồng, lưu ý các nhóm tác giả nghiêm túc tiếp thu ý kiến đóng góp, xem xét hoàn thiện đề tài trong thời gian sớm nhất.

Hội đồng đã nhất trí nghiệm thu 2 đề tài, với kết quả xếp loại Khá đối với đề tài mã số RD19-08, và xếp loại Xuất sắc đối với đề tài mang mã số RD18-08.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Quy hoạch xây dựng vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2030

Sáng ngày 31/8/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch xây dựng vùng Trung du Miền núi Bắc Bộ đến năm 2030. Đồng chí Trịnh Đình Dũng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng thẩm định chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo đại diện của Văn phòng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Tây Bắc, các Bộ, ngành có liên quan, các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành; lãnh đạo và đại diện các cơ quan chuyên môn của 14 tỉnh nằm trong khu vực nghiên cứu của Đồ án.

Theo báo cáo của Viện Kiến trúc - Quy hoạch đô thị và nông thôn (VIAP) - đơn vị tư



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu kết luận Hội nghị

vấn lập Đồ án, thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du

và Miền núi Bắc bộ (TDMNBB) và Quyết định số 79/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, Bộ Xây dựng đã tổ chức lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng TDMNBB, phạm vi nghiên cứu gồm các tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn Lai, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình và các huyện phía Tây hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An. Đồ án kế thừa và tổng hợp kết quả nghiên cứu của các Đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Trung và Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Lào đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Nội dung chính của Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng TDMNBB bao gồm: Dự báo, phát triển mạng lưới đô thị vùng TDMNBB đến năm 2030; Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tạo động lực phát triển vùng và quốc gia gắn với đô thị; Đề xuất các chương trình, dự án ưu tiên giai đoạn đến năm 2020.

Đồ án đã lồng ghép và khớp nối các quy hoạch chuyên ngành phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, giao thông, thủy lợi, điện khu công nghiệp, kinh tế - thương mại, du lịch, trường học, bệnh viện, công trình văn hóa - thể thao, các vùng chuyên canh nông nghiệp, lâm nghiệp...) do các Bộ, ngành Trung ương thực hiện và các quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn của 16 tỉnh trong vùng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW. Đồng thời Đồ án còn cụ thể hóa Quyết định số 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

Sau khi nghe đơn vị tư vấn báo cáo tóm tắt các nội dung chính của Đồ án, Hội đồng thẩm định đã nghe 02 báo cáo phản biện về định hướng phát triển không gian và định hướng



Toàn cảnh Hội nghị

phát triển kết cấu hạ tầng của Vùng cũng như ý kiến đóng góp của các tỉnh và các thành viên của Hội đồng.

Nhìn chung các báo cáo phản biện đều đánh giá Đồ án đã được nghiên cứu và biên soạn công phu, khối lượng công việc lớn, nội dung phong phú, bám sát Nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt. Tuy nhiên bên cạnh đó, Đồ án cũng cần bổ sung thêm những đánh giá tổng quát hơn về quá trình phát triển kinh tế của Vùng trong thời gian qua, những thách thức và rủi ro tiềm năng do tác động của ngoại Vùng, phân tích rõ hơn sự chênh lệch về tỷ lệ đô thị hóa giữa Vùng với các vùng khác trong cả nước, đề xuất thêm các giải pháp bảo vệ tài nguyên rừng, nguồn nước và môi trường, bổ sung quy chế quản lý Quy hoạch Vùng...Đại diện lãnh đạo các địa phương cũng đóng góp thêm về việc cập nhật các số liệu mới về phát triển kinh tế xã hội, các dự án đang triển khai cũng như tiềm năng và thế mạnh của các địa phương trong Vùng.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đồng tình với những nhận xét của các báo cáo phản biện và các ý kiến phát biểu của các tỉnh cũng như các thành viên Hội đồng và đề nghị đơn vị tư vấn tiếp thu và cập nhật vào Đồ án. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhấn mạnh, sự phát triển của vùng TDMNBB không chỉ có ý nghĩa về kinh tế xã hội mà còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an

ninh. Vùng TDMNBB có diện tích lớn, chiếm 1/3 diện tích đất của toàn quốc, là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, khoáng sản, dịch vụ du lịch, kinh tế cửa khẩu, kinh tế đối ngoại, có bản sắc văn hóa dân tộc phong phú, đặc sắc của các dân tộc, là vùng có ý nghĩa quyết định đối với môi trường khu vực Bắc bộ. Trong những năm qua, Vùng TDMNBB luôn được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, thể hiện qua các chính sách xóa đói, giảm nghèo, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, các chương trình, dự án đầu tư phát triển, nhờ đó, Vùng đã có bước phát triển quan trọng về kinh tế- xã hội, đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, góp phần

ổn định kinh tế, ổn định chính trị, quốc phòng và an ninh của cả nước.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Đồ án quy hoạch vùng TDMNBB đã cơ bản đáp ứng các nội dung và yêu cầu đề ra, được đơn vị tư vấn thực hiện nghiêm túc, có trách nhiệm, công phu và khoa học. Bộ trưởng lưu ý đơn vị tư vấn lập quy hoạch cần tiếp tục phối hợp với các địa phương trong Vùng và Ban Chỉ đạo Tây Bắc để rà soát, cập nhật thông tin mới vào Đồ án, nhanh chóng hoàn chỉnh Đồ án để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Minh Tuấn

Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về Kết cấu hạ tầng

Ngày 28/08/2012 tại Hà Nội, Hội Kết cấu và Công nghệ Xây dựng Việt Nam (VASECT) đã phối hợp với Hội Các kỹ sư xây dựng Nhật Bản (JSCE) tổ chức Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về kết cấu hạ tầng (KCHT). TS. Nguyễn Thanh Nghị - Thứ trưởng Bộ Xây dựng đã đến dự và phát biểu với Hội thảo.

Dự Hội thảo có GS. TSKH Nguyễn Văn Liên - Chủ tịch Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam, TS. Takehiko Ono - Chủ tịch Hội Các kỹ sư xây dựng Nhật Bản và lãnh đạo cao cấp của các Bộ, ngành của Việt Nam và Nhật Bản, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Hội và các thành viên, lãnh đạo Liên hiệp Các Hội KHKT Việt Nam, các Hiệp hội chuyên ngành xây dựng, cầu đường, giao thông; các cơ quan quản lý thuộc Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải và các chuyên gia đến từ các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp,...

Dự Hội thảo về phía Nhật Bản có lãnh đạo và chuyên gia của Hội Các kỹ sư Nhật Bản, các chuyên gia thuộc Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Công ty Nexco Central, Công ty tư vấn quốc tế Nhật Bản về



Đoàn chủ tọa Hội thảo

giao thông vận tải, Viện đào tạo nghiên cứu chính sách quốc gia,

Hội thảo được tổ chức nhằm tạo cơ hội chia sẻ thông tin, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm giữa những nhà quản lý, các nhà nghiên cứu, các chuyên gia trong và ngoài nước, đặc biệt là các chuyên gia đến từ Hội Các kỹ sư xây dựng Nhật Bản.

Báo cáo tham luận của các chuyên gia Việt Nam và Nhật Bản đã cung cấp thông tin, giới thiệu về KCHT ở Việt Nam, thực trạng và các mô hình đầu tư, cũng như giới thiệu các công nghệ tiên tiến được áp dụng trong xây dựng các công trình giao thông ở Nhật Bản như đường

cao tốc, đường sắt cao tốc, phân tích rủi ro,...

Cty TNHH đường cao tốc miền Trung Nhật Bản (Cty NEXCO-Central) giới thiệu tuyến đường cao tốc Shin Tomei, các công nghệ đã được áp dụng trong xây dựng đường, các công nghệ khai thác và quản lý đường. Đường cao tốc Shin Tomei dài 164 km, nối thành phố Tokyo với thành phố Nagoya, là tuyến đường huyết mạch tại Nhật Bản. Việc xây dựng và khai thác, quản lý đường cao tốc áp dụng nhiều công nghệ tiên tiến như công nghệ đào đắp đất hiệu quả, kỹ thuật đào đường hầm, cầu dầm hộp, cầu vòm bê tông - thép, trải mặt đường bằng vật liệu mới - vật liệu composite, ổn định nền đất yếu cùng nhiều công nghệ mới khác như: Chiếu sáng, thân thiện môi trường, thu phí tự động, thông tin giao thông, sử dụng năng lượng bền vững.

Cty Tư vấn giao thông vận tải quốc tế Nhật Bản (JIC) giới thiệu quá trình xây dựng của tuyến đường sắt cao tốc Shinkansen. Đường sắt cao tốc Shinkansen bao gồm nhiều đoạn và được xây dựng lần lượt qua nhiều giai đoạn khác nhau và hiện nay đang được phát triển mở rộng ra khu vực nông thôn. Để thu hút một lượng lớn vốn cho xây dựng, dự án Shinkansen đã được áp dụng hình thức đầu tư đối tác công - tư trong đó vốn tư nhân đóng vai trò quan trọng. Hệ thống đường sắt cao tốc Shinkansen là tuyến đường sắt tốc độ cao, an toàn, thân thiện môi trường và sử dụng chi phí một cách hiệu quả. Việc phát triển tuyến đường sắt cao tốc Shinkansen không chỉ tác động trực tiếp đến hành khách và các cty đường sắt mà còn có tác động gián tiếp khác như phát triển hai bên tuyến đường và cải thiện môi trường.

Chuyên gia của Viện Đào tạo Nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản giới thiệu những thiệt hại về giao thông vận tải do trận động đất mạnh (xảy ra ngày 11/3/2011 tại phía Đông Nhật Bản đạt 9 độ Richter và gây ra sóng thần lớn) gây ra và việc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả động đất và sóng thần. Báo



Các đại biểu dự Hội thảo

cáo đánh giá các thiệt hại và kết quả thực hiện các biện pháp khôi phục đối với tuyến đường sắt cao tốc tuyến Shinkansen Tohoku, các tuyến đường sắt địa phương, sân bay Sendai, hệ thống đường bộ.

Các chuyên gia Việt Nam thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trường Đại học Xây dựng và Cty CONINCO giới thiệu về tình hình triển khai thí điểm cơ chế đầu tư đối tác công - tư (PPP) đối với các dự án phát triển KCHT, việc nghiên cứu công nghệ neo đất của Nhật Bản JGS 4101-2000 ở Việt Nam; hiện trạng cầu bê tông tại Việt Nam với sự phân tích nguyên nhân và các mô hình xuống cấp, sự xuống cấp của cầu bê tông cốt thép ứng lực trước trong các điều kiện khắc nghiệt của môi trường.

Phát biểu tại Hội thảo, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị hoan nghênh và đánh giá cao sáng kiến thiết thực và sự phối hợp chặt chẽ trong công tác tổ chức hội thảo quan trọng này của Hội kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam và Hội Các kỹ sư xây dựng Nhật Bản.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cho biết, KCHT có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển của các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển. KCHT đồng bộ và hiện đại là điều kiện để tăng trưởng nhanh, ổn định và bền vững. Trình độ phát triển của KCHT có ảnh hưởng quyết định đến trình độ phát triển của đất nước.

Tại Việt Nam, công tác quản lý và phát triển KCHT đã và đang được xác định là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu của Trung ương và địa phương. Quan niệm “kết cấu hạ tầng đi trước một bước” đã được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, và Chính phủ Việt Nam. Gần đây nhất, trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020, việc xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn đã được xác định là 1 trong 3 đột phá chiến lược đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp hóa hiện đại vào năm 2020.

Tại Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị khẳng định, Bộ Xây dựng Việt Nam với chức năng quản lý nhà nước về xây dựng trong những năm qua đã rất quan tâm đến công tác định hướng phát triển KCHT. Bộ xác định việc tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực ngoài nước, học hỏi và ứng dụng một cách chọn lọc các kinh nghiệm, các thành tựu phát

triển và quản lý KCHT của các nước bạn là chiến lược cần được ưu tiên.

Thứ trưởng đánh giá cao và chân thành cảm ơn Hội Các kỹ sư xây dựng Nhật Bản đã phối hợp cùng Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về KCHT. Thứ trưởng tin tưởng rằng, Hội thảo sẽ là cơ hội tốt để các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, các chuyên gia Việt Nam tìm hiểu sâu hơn về chiến lược phát triển, công nghệ, mô hình phát triển KCHT, cũng như những kinh nghiệm quý báu của Nhật Bản trong công tác phát triển hạ tầng.

Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về KCHT đã thành công tốt đẹp. Hội thảo cũng là kết quả đầu tiên của sự hợp tác giữa Hội Kết cấu và công nghệ xây dựng Việt Nam với Hội Các kỹ sư xây dựng Nhật Bản theo chương trình hợp tác hai bên ký kết vào tháng 3/2012.

Huỳnh Phước

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang) là đô thị loại III

Ngày 14/9/2012, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị xã Hà Tiên (tỉnh Kiên Giang) là đô thị loại III đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị. Tham dự hội nghị về phía tỉnh Kiên Giang có đồng chí Phạm Hữu Hồng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Mai Văn Huỳnh, Bí thư Thị ủy, Chủ tịch UBND thị xã Hà Tiên; đại diện Sở Xây dựng tỉnh. Tham gia cuộc họp còn có các thành viên Hội đồng là đại diện Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Quốc phòng; đại diện Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hiệp hội Các đô thị Việt Nam, Tổng hội Xây dựng Việt Nam...

Mở đầu chương trình, đồng chí Mai Văn Huỳnh, Chủ tịch UBND thị xã Hà Tiên đã trình bày tóm tắt đề án đề nghị công nhận thị xã là



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu kết luận Hội nghị

đô thị loại III, trong đó nêu bật các căn cứ pháp lý lập đề án, sự cần thiết nâng loại cho thị xã Hà Tiên. Theo báo cáo, Hà Tiên là trung tâm kinh tế - văn hóa - du lịch và dịch vụ, đầu mối giao thương của tỉnh Kiên Giang và vùng ĐBSCL; có đường biên trên đất liền và trên biển giáp với

Campuchia, do đó thị xã có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng về mặt an ninh quốc phòng, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền vùng biển đảo Tây Nam của Tổ quốc. Hà Tiên còn là đô thị đặc thù với những giá trị đặc biệt về di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên đã được quốc gia và quốc tế công nhận. Những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, Hà Tiên đã có những chuyển biến to lớn về phát triển kinh tế - xã hội; đời sống vật chất tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt; cơ sở hạ tầng đô thị được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ theo hướng xây dựng một đô thị văn minh hiện đại. Tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần đây đạt 21%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị của thị xã là 81%. Về cơ bản, Hà Tiên đã đáp ứng được các tiêu chí của đô thị loại III, căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Việc nâng loại cho thị xã Hà Tiên thành đô thị loại III là yêu cầu khách quan và cần thiết, phù hợp với định hướng quy hoạch của tỉnh Kiên Giang, của vùng ĐBSCL và vùng biên giới Tây Nam của Tổ quốc; đồng thời tạo động lực thúc đẩy Hà Tiên phát triển toàn diện hơn, phát huy hơn nữa vai trò chức năng khu vực kinh tế cửa khẩu, xứng đáng với vai trò và vị trí của thị xã trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh, hướng tới mục tiêu xây dựng Hà Tiên thành đô thị cửa khẩu với nội dung đô thị văn hoá – du lịch – sinh thái.

Các ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng thẩm định đều đánh giá cao công tác lập đề án của thị xã Hà Tiên và nhất trí với đề nghị công nhận Hà Tiên là đô thị loại III, với nhiều tiêu chí vượt chuẩn và đạt chuẩn quy định (chỉ tiêu về vị trí và tính chất đô thị, chỉ tiêu về nhà ở, chỉ tiêu hệ thống giao thông, cấp thoát nước...). Đồng thời, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp thêm một số ý kiến để đề án

được hoàn chỉnh hơn, như vấn đề phát triển công trình hạ tầng đô thị; vấn đề bảo vệ, quản lý và khai thác những tiềm năng cảnh quan thiên nhiên sẵn có của địa phương; vấn đề liên quan tới quốc phòng và biến đổi khí hậu, nước biển dâng do vị trí đặc thù của thị xã nằm trong vùng biển đảo; vấn đề bảo vệ môi trường, đặc biệt là nguồn nước...

Kết luận hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị bày tỏ sự nhất trí với các ý kiến của các thành viên Hội đồng, công nhận Hà Tiên là đô thị loại III, với 34/49 chỉ tiêu đạt và vượt mức, 11/49 chỉ tiêu đạt tối thiểu, 2 chỉ tiêu đặc thù, và 2 chỉ tiêu chưa đạt. Thứ trưởng lưu ý UBND tỉnh Kiên Giang và thị xã Hà Tiên sau khi thị xã được nâng loại cần chú trọng hơn nữa tới chất lượng đô thị, quan tâm chăm lo tới đời sống vật chất tinh thần cho người dân, chú ý đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, khu vui chơi giải trí...; chú trọng tới công tác quản lý đô thị, trong đó có điều chỉnh quy hoạch chung, triển khai công tác xây dựng đô thị, xây dựng quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị. Thứ trưởng cũng kiến nghị UBND tỉnh và thị xã cần xác định lộ trình, nguồn lực để khắc phục những tiêu chí chưa đạt; đề nghị tỉnh và thị xã chú trọng khai thác tiềm năng lợi thế về địa hình thiên nhiên, cảnh quan môi trường của Hà Tiên, để có thể xây dựng và phát triển Hà Tiên trong tương lai theo mô hình định hướng là đô thị văn hóa – du lịch – sinh thái, song song với các công tác đảm bảo an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế xã hội của thị xã và của toàn tỉnh.

Điểm số trung bình của Đề án là 87,36 điểm - đạt tiêu chuẩn đô thị loại III. Thay mặt Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân tỉnh Kiên Giang nói chung và thị xã Hà Tiên nói riêng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Hữu Hồng đã hứa tiếp thu các ý kiến quý giá, các giải pháp thiết thực mà Hội đồng nêu ra, khắc phục những mặt còn yếu kém, vì sự phát triển bền vững của thị xã Hà Tiên trong tương lai.

Lệ Minh

Bê tông chịu nhiệt - loại vật liệu có hiệu quả cao trong xây dựng các công trình công nghiệp

Trong vài thập kỷ trở lại đây, bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt đã cạnh tranh khá hiệu quả với những loại vật liệu chịu lửa truyền thống trong xây dựng các công trình công nghiệp. Bằng bê tông chịu lửa và chịu nhiệt, các nhà sản xuất có thể chế tạo những khối xây (blocs) kích thước lớn tại các nhà máy, thông qua sử dụng các thiết bị cơ khí hóa và tự động hóa hiện đại. Như vậy, công việc lót, trát các tổ hợp thiết bị nhiệt có thể được thực hiện trong nhà máy, nhờ vậy có thể cải thiện điều kiện lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời cải thiện chất lượng của các lớp lót. Ngoài ra, khi thi công trát, lót các tổ hợp thiết bị nhiệt bằng những khối xây kích thước lớn, công nhân xây dựng không cần có tay nghề cao như khi thi công với gạch chịu lửa thông thường.

Thực tế cho thấy, việc dùng các khối xây cỡ lớn bằng bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt thay cho gạch chịu lửa trong quá trình thi công các tổ hợp công trình nhiệt trong các nhà máy sẽ giúp nâng cao năng suất lao động tới 3 - 4 lần, mà giá thành kết cấu chế tạo sẵn giảm từ 25 - 30%.

Việc sử dụng rộng rãi các blocs bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt vào công việc trát lót đã thể hiện một loạt ưu điểm trên thực tế như:

- nhanh chóng đưa các hệ thống thiết bị nhiệt vào sử dụng;
- chất lượng công việc lót trát rất tốt, nhờ việc sản xuất công nghiệp các khối xây trong điều kiện nhà máy;
- ứng dụng rộng rãi các phương tiện cơ khí hóa trong quá trình xây lắp và sửa chữa các tổ hợp thiết bị nhiệt;
- tiết kiệm kim loại nhờ chế tạo các kết cấu chịu lực của tổ hợp thiết bị nhiệt từ bê tông chịu lửa hoặc bê tông chịu nhiệt;
- tạo khả năng áp dụng các giải pháp kết cấu mới trong lĩnh vực kỹ thuật nhiệt cũng như

lĩnh vực công nghệ;

- giảm lượng vật liệu trong các kết cấu khi đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu sử dụng.

Tất cả những ưu điểm trên đây đã đưa đến một thực tế: trên thế giới ở thời điểm hiện tại, khối lượng sản xuất bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt dưới dạng vữa dẻo hoặc vữa bán khô, và các khối xây chiếm 40 - 50% tổng khối lượng vật liệu chịu lửa.

Tuy các ưu điểm của bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt là điều không phải bàn cãi, nhưng thực tế tại Nga phần lớn các tổ hợp thiết bị nhiệt được xây bằng gạch chịu lửa. Một trong những một nguyên nhân đó là ở Nga có quá ít cơ sở nghiên cứu và sản xuất blocs và panel từ bê tông chịu lửa và chịu nhiệt. Điều này đương nhiên cũng làm giảm tiến độ nghiên cứu các thiết kế tổ hợp thiết bị nhiệt trong các công trình công nghiệp.

Nhiều thập kỷ qua, mạng lưới các tổ chức nghiên cứu khoa học và các cơ sở sản xuất chuyên nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng bê tông chịu nhiệt, do sản phẩm không thể cạnh tranh với vật liệu chịu lửa truyền thống trên thị trường nên mạng lưới này dần tan rã. Cùng với sự sụt giảm tổng khối lượng sản xuất công nghiệp, khối lượng sản xuất và ứng dụng bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt đã bị thu nhỏ một cách nhanh chóng. Tình trạng tương tự cũng diễn ra đối với các nghiên cứu khoa học, và những nghiên cứu cơ sở lý luận của việc sản xuất bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt. Trong các tài liệu kỹ thuật, các vấn đề liên quan tới việc nghiên cứu các chủng loại bê tông, sự phù hợp giữa các đặc tính của chúng với những điều kiện sử dụng cụ thể chưa được đề cập tới một cách đầy đủ.

Do đó, vấn đề bức thiết hiện nay "Từ kết cấu cụ thể tới những vật liệu cụ thể" lại chưa được xem xét một cách thấu đáo đúng với tính chất

cấp bách của nó. Từ đây xuất hiện nhiều tranh cãi xung quanh bê tông chịu nhiệt và bê tông chịu lửa - vốn dĩ không thể thay thế hoàn toàn cho các sản phẩm gạch chịu lửa, bởi các tính chất cơ lý không phù hợp với những điều kiện sử dụng cụ thể. Bên cạnh đó, trong tài liệu kỹ thuật chuyên ngành và trong các tài liệu của các hội nghị và cuộc họp, kinh nghiệm tiên tiến áp dụng các biện pháp công nghiệp trong xây dựng - trong đó có sử dụng các chủng loại bê tông khác nhau - của các tổ chức xây lắp rất ít được phổ biến. Thông tin về kinh nghiệm của các doanh nghiệp tiên tiến của nước ngoài hầu như cũng không có. Tất cả những nguyên nhân đó dẫn sao cũng chỉ mang tính chất tạm thời và sẽ được triệt tiêu trong tương lai không xa.

Các nhà khoa học Nga đã đóng góp một phần không nhỏ vào việc hoàn thiện các kết cấu của tổ hợp thiết bị nhiệt từ loại vật liệu là bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt, đồng thời triển khai ứng dụng các loại bê tông này một cách hợp lý. Còn trong các nghiên cứu liên quan tới các chủng loại bê tông đặc biệt, các nhà khoa học Nga đã chiếm vị trí hàng đầu trong nền khoa học của toàn thể nhân loại, trong việc đưa ra những dự báo về điều kiện sử dụng bê tông, và việc nghiên cứu trạng thái căng của các lớp lót, trát dưới tác động một chiều bằng nhiệt. Cùng với việc nghiên cứu các chủng loại bê tông chịu nhiệt và bê tông chịu lửa mới với các tính chất đặc biệt, và cùng với cách giải quyết vấn đề cấp thiết của công nghiệp hóa các công trình cách nhiệt, một trong những nhiệm vụ cơ bản của ngành sản xuất vật liệu xây dựng chính là triển khai những giải pháp hiệu quả nhất theo hướng này.

Theo lý thuyết cuội kết nhân tạo trong xây dựng, bê tông chịu lửa – như một kết cấu thông thường – cũng là cuội kết nhân tạo, trong đó chất độn được hóa cứng bề mặt thành khối. Tuy nhiên, ở bê tông chịu nhiệt, mối liên quan 2 chiều của cấu trúc vĩ mô và các tính chất cơ lý được thể hiện ở một cấp độ cao hơn so với các kết cấu thông thường khác, khi mà chất độn

chịu lửa và vật liệu chất dính kết có những hệ số nhiệt nở dài và nở khối khác nhau. Bởi nguyên nhân này, tại ranh giới đường phân chất độn và chất kết dính (đá xi măng trong bê tông kết cứng) trong quá trình nung sẽ xuất hiện lực căng tiêu chuẩn và tiếp xúc, có thể vượt ngưỡng bền của vật liệu gây nên việc phá hủy vật liệu.

Điều kiện sử dụng bê tông chịu nhiệt tại các tổ hợp thiết bị nhiệt rất phức tạp. Các sản phẩm và kết cấu bằng loại vật liệu này có thể bị phá hủy không chỉ do tác động của nhiệt độ cực cao, mà còn bởi ảnh hưởng của các lực cơ học và các phản ứng hóa học khi tiếp xúc với các chất khác nhau; và bởi sự thay đổi nhiệt độ cũng như việc xuất hiện gradient nhiệt... Do vậy, quy định những yêu cầu đối với các loại bê tông này, tính tới cả những yếu tố đa dạng nêu trên là rất khó, nói chính xác hơn là không thể. Tuy nhiên, có thể tách ra một số điều kiện mà bê tông chịu nhiệt cần đáp ứng, không căn cứ theo chức năng cụ thể của bê tông. Trước hết, đó là độ bền cơ học thích hợp trong điều kiện bình thường (độ bền nén không nhỏ hơn 15MPa), và trong điều kiện nhiệt độ bất đầu biến dạng dưới tải trọng 0,2MPa cao tương ứng. Ngoài sức bền cơ học của vật liệu trong điều kiện nhiệt độ cao, cần có độ co ngót không đáng kể trong lửa (độ co ngót dài tương thích sau khi vật liệu được nung không được vượt quá 1,5% cho tới khi nhiệt độ cho phép đạt ngưỡng; còn độ co ngót bổ sung - 0,5%).

Các đặc tính dẻo của vật liệu có ý nghĩa rất lớn. Khi nhiệt độ tăng, các sản phẩm có thể thay đổi hình dạng và kích thước dưới tác động của ngoại lực liên tục. Hiện tượng này được gọi là từ biến; còn nhiệt độ để hiện tượng này bắt đầu xuất hiện một cách rõ ràng được gọi là nhiệt độ bắt đầu biến dạng dưới tải trọng. Sự biến dạng trong hiện tượng từ biến không có tính thuận nghịch, cũng như sự biến dạng co ngót; do vậy các vật liệu được áp dụng trong nhiệt độ cao cần có kích thước và thể tích không đổi trong điều kiện sử dụng. Ngoài ra, các thành phần có trong bê tông chịu nhiệt cần

có tính bền chắc trước các tác động của môi trường xung quanh (môi trường khí, kim loại nóng chảy, tro và bụi của các hạt cứng). Tất nhiên, không có một loại vật liệu chịu lửa nào có thể kháng thành công mọi tác động hủy diệt, do đó thành phần khoáng hóa của vật liệu chịu lửa cần được lựa chọn dựa vào từng điều kiện tác động cụ thể.

Tất cả những yêu cầu nêu trên rất cần thiết và chung cho cả bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt. Để lựa chọn đúng và sử dụng hiệu quả 2 loại bê tông này, cần nắm vững không chỉ các tính chất cơ bản của chúng mà còn cả điều kiện sử dụng. Bên cạnh đó, khi các tính chất của vật liệu đáp ứng đầy đủ yêu cầu sử dụng, thì kết cấu trên cơ sở loại vật liệu đó sẽ càng tăng thêm tính hiệu quả và có tuổi thọ dài hơn. Điều đó cũng có nghĩa là quy trình công nghệ sử dụng tổ hợp nhiệt kỹ thuật sẽ bớt lãng phí hơn.

Khi thiết kế bê tông chịu nhiệt cần tính tới các yêu cầu chung cũng như các dữ kiện về mặt kinh tế: lượng vật liệu trong kết cấu, hiệu

quả kỹ thuật nhiệt, giá cả và sự khan hiếm của các nguyên liệu đầu vào. Chỉ bằng cách tiếp cận toàn diện và tổng thể như vậy đối với vấn đề công nghiệp hóa các công trình cách nhiệt mới cho phép giải bài toán này đúng thời điểm và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Hiện nay, cùng với việc hiện đại hóa sản xuất công nghiệp tại Nga, cần tăng mạnh hơn nữa không chỉ khối lượng xây dựng và tái thiết các tổ hợp thiết bị nhiệt hiệu suất cao, mà còn cần tăng khối lượng sản xuất bê tông chịu lửa và bê tông chịu nhiệt. Bên cạnh đó, các công trình cách nhiệt cũng cần được thực hiện nhờ việc ứng dụng rộng rãi các kết cấu công nghiệp lắp ghép toàn bộ, được sản xuất tại các cơ sở chuyên ngành với sự kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm.

B. Toturbiev

Nguồn: Tạp chí Xây dựng dân dụng & công nghiệp Nga tháng 2/2012

ND: Lê Minh

Những vấn đề và triển vọng của các giải pháp thiết kế - kiến trúc đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật của thành phố Moskva (Nga)

Không gian ngầm hiện đại của Moskva – đó là những tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật nổi dài, là những tầng ngầm của các tòa nhà hiện đại, và tất cả đều được trang bị các trạm thông gió. Những công trình thuộc tuyến tàu điện ngầm cũng được lắp đặt các trạm thông gió này. Các trạm có đường kính 5 -6m, cao khoảng 5,5m. Các gian của trạm biến áp và trạm nhiệt trung tâm là một thành phần trực thuộc mỗi ô phố, và được thiết kế như những công trình trên mặt đất đi kèm với mạng lưới kỹ thuật. Tất cả các hạng mục này thực tế đều có ảnh hưởng tới môi trường đô thị. Và theo nguyên tắc, hình thức bên ngoài của các hạng mục luôn nằm trong sự quan tâm của các kiến trúc sư.

Vấn đề xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm được đưa ra trong các tài liệu chuyên ngành và các văn bản tiêu chuẩn, trong lĩnh vực hẹp nhằm duy trì sự trao đổi khí và dưỡng chất trong các công trình ngầm; còn khía cạnh kiến trúc - nghệ thuật của các công trình này bị chưa được đề cập tới. Vấn đề gây nhiều bàn cãi ở đây là liệu có cần thiết phải tiêu tốn số vốn luôn luôn bị hạn chế vào việc tạo một đường nét kiến trúc cho những công trình dạng này? Để tìm lời đáp, cần nhìn lại các hạng mục đi kèm mạng lưới và các công trình ngầm, trước tiên tại khu vực trung tâm lịch sử của thành phố, tại những khu vực có nhiều công trình có giá trị nghệ thuật. Và câu trả lời là có!

Bất kỳ một công trình đô thị nào cũng cần

có sức lôi cuốn và mang một sự khởi đầu đầy tính nghệ thuật, đặc sắc. Khối lượng xây dựng các công trình trên mặt đất hỗ trợ cho mạng lưới kỹ thuật còn quá ít so với số lượng các công trình ngầm. Việc tách riêng vốn dành cho công tác tạo hình nghệ thuật đối với các trạm thông gió trong nội dung dự toán vốn xây dựng không quá phức tạp. Nguyên tắc phân bổ tiền vốn cho công tác tạo hình nghệ thuật trong thi công xây dựng các công trình đã có từ thời Liên bang Xô viết. Trong Nghị quyết số 1014 của BCH TW Đảng Cộng sản và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô “Về các giải pháp tiếp tục phát triển nghệ thuật tạo hình và nâng cao vai trò của nghệ thuật này trong giáo dục cộng sản đối với người lao động”, tại chương 11, khoản b đã quy định rõ: “Cho phép đưa vào đơn giá dự toán xây lắp cho từng loại công trình cơ bản các chi phí đối với công tác nghệ thuật có liên quan tới nghệ thuật tạo hình và kiến trúc, phân bổ như sau (theo phần trăm của tổng dự toán):

- đến 2%: khi xây dựng các công trình văn hóa xã hội; các cơ sở giáo dục quốc dân; cơ sở y tế; công trình thể thao; trụ sở của các tổ chức xã hội, Đảng, Đoàn; các công trình xã hội và công trình phục vụ sản xuất khác;

- đến 1%: khi xây dựng nhà ở; hình thành các yếu tố mới của chính sách xây dựng đô thị.

Như vậy, vấn đề ở đây không phải là thiếu vốn, mà điều chủ yếu là thiếu sự rõ ràng trong phân bổ nguồn vốn.

Chúng ta đều biết rằng trong thực tế quy hoạch và xây dựng nền tảng để thông qua các thủ pháp nghệ thuật, kiến trúc sư không còn là đối tượng giám sát tác giả, và cũng không nằm trong ngân sách xây dựng nữa. Trường hợp với các trạm thông gió không giống như vậy. Các công trình ngầm quy mô nhỏ này được xây kèm theo các kết cấu ngầm là một bộ phận hữu cơ của không gian, thậm chí còn trở thành những điểm nhấn mang tính nghệ thuật - kiến trúc. Bản thiết kế có thể là một toà nhà hay công trình xã hội, còn các công trình - trạm thông gió

xuất hiện trong cảnh quan đô thị mà không bị lệ thuộc vào ý tưởng chủ đạo. Hình thức của công trình cơ bản về mặt kiến trúc dựa vào chức năng chủ đạo mà trạm thông gió không đảm nhiệm chức năng này; tức là, có thể làm được gì với hình thức bề ngoài của trạm, liệu những nhà đầu tư có muốn và có thể đoán được năng lực tổ chức không gian của một công trình như vậy không - điều này còn tùy ở nhận thức và con mắt thẩm mỹ của chính các nhà đầu tư. Và hiện nay có thể bắt gặp ở khắp nơi các trạm thông gió nằm dọc theo các tuyến đường, và các hộp của các gian kỹ thuật giữa các ô phố; tạo một hình ảnh rất phản cảm, mất mỹ quan.

Các hạng mục xây dựng kèm hệ thống liên lạc ngầm và không gian ngầm – đó cần phải là các công trình có cấp độ đặc biệt xuất hiện không theo chủ quan của các nhà đầu tư, mà theo sự cần thiết bảo vệ các công trình ngầm. Chất lượng môi trường đô thị - đánh giá từ góc độ của các nhà kiến trúc - được quy định bởi khả năng của nhà kiến trúc biết đưa một công trình bất kỳ trong một không gian nhất định vào một chu trình không gian nghệ thuật; và bởi cách thức mà các nhà xã hội trao cho tác giả - kiến trúc sư khả năng đó.

Việc tạo hình nghệ thuật cho các hạng mục xây dựng kèm không liên quan trực tiếp tới công năng kỹ thuật của hạng mục đó, do vậy vấn đề không nằm trong sự xét duyệt của các cơ quan chịu trách nhiệm thông qua các biện pháp giải quyết.

Việc các trạm thông gió hình thức lặp đi lặp lại quá đơn giản xuất hiện ngày càng nhiều trong không gian cổ kính của các đường phố tại trung tâm lịch sử được bảo tồn - các phố Dmitrovki Lớn, Quảng trường Manhetzkaya, Quảng trường Đỏ - là một bức tranh không đẹp làm mất đi nhiều xúc cảm thẩm mỹ.

Mạng lưới các cơ quan văn hóa, trong đó có các viện bảo tàng, nhà hát, các viện nghiên cứu quốc gia, hiện hữu như một trong các hệ thống của một đô thị. Mạng lưới này được huy động

để duy trì xã hội loài người bằng các kiến thức nghệ thuật, cũng như mạng lưới các tổ chức y tế, chăm sóc sức khỏe - bằng sự an toàn sống; còn các mạng kỹ thuật - bằng các nguồn tài nguyên phúc lợi của đô thị.

Đô thị là sản phẩm và là chủ thể văn hóa, đường phố và các ngôi nhà trong đó là những thành phần không tách rời khỏi tổng thể. Nếu các công trình của hệ thống bảo đảm hiện diện trong không gian mà không có sự đồng nhất với các hệ thống các công trình văn hóa, thì đó có thể coi là nguy cơ “trấn áp” các tiêu chuẩn nghệ thuật trong không gian của một đô thị hiện đại.

Hiện nay, Chính quyền Moskva dành sự quan tâm thực thụ cho công tác chỉnh trang đô thị. Nhiều công trình có phong cách tạo hình không phù hợp trong thành phố đã được phát hiện. Tác giả bài báo này cách đây vài năm đã có một công trình nghiên cứu theo sáng kiến riêng của mình, và nghiên cứu đó hiện nay đang được ứng dụng trong công tác kiểm tra và phát hiện các công trình không phù hợp. Sáng kiến của tác giả, cùng với dự thảo đề xuất các công trình khoa học nghiên cứu các giải pháp thiết kế - kiến trúc các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được Viện Nghiên cứu khoa học & Thiết kế Trung ương ủng hộ. Tạo hình nghệ thuật cho các công trình của thủ đô từ nay không còn là chuyên ngành hẹp nữa. Hơn nữa, các tác giả luôn mong muốn người dân đô thị

ủng hộ các sáng kiến của các kiến trúc sư. Không có sự ủng hộ của người dân và các cơ quan tổ chức hữu quan, các kiến trúc sư và các họa sĩ tại các đô thị sẽ mất đi nền tảng cho các hoạt động của mình.

Tóm tắt những vấn đề mà bài báo này nêu gồm một số nội dung như sau:

- Không nên phê duyệt đề án cho những công trình của mạng lưới ngầm – nhìn từ góc độ kiến trúc và quy hoạch đô thị - mà không có các đề án tạo hình cho các hạng mục bổ trợ. Điều này cần được củng cố bằng luật và không phụ thuộc vào nhà đầu tư;

- Đối với việc xây dựng trên quy mô lớn cần nghiên cứu và thực hiện thí điểm với mục đích tái ứng dụng đề án xây dựng các hạng mục bổ trợ, từ đó giảm được chi phí xây dựng ;

- Đối với các công trình hiện hữu, chi phí tạo hình cho các công trình này có thể do ngân sách thành phố chi trả, ví dụ, trong khuôn khổ các chương trình sửa chữa và cải tạo hạng mục cơ bản; bởi vì các chi phí này so với giá thành xây mới một hạng mục cơ bản tuy ít, song hiệu quả lại rất lớn.

L. Kupersmidt

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Công nghiệp & Xây dựng Dân dụng Nga tháng 6/2012

ND: Lê Minh

Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy và cấp nước cho nhà siêu cao tầng ở Trung Quốc

I. Đặc điểm của tòa nhà siêu cao tầng và những yêu cầu đối với việc phòng cháy chữa cháy và cung cấp nước

1. Đặc điểm của tòa nhà cao tầng

Nhà siêu cao tầng là những công trình xây dựng dân dụng có từ 40 tầng trở lên, đạt độ cao trên 100m, so với công nghệ xây dựng dân dụng thông thường, thì công tác thiết kế và công nghệ thi công nhà siêu cao tầng có sự

khác biệt lớn, thể hiện ở một số phương diện như: số lượng thang máy, hệ thống phòng chống cháy, thiết bị thông gió và hút khói, lối thoát hiểm an toàn ...đều phức tạp hơn rất nhiều, thậm chí kết cấu chịu tải và khả năng kháng chấn của tòa nhà cũng đòi hỏi ở mức độ cao hơn. Ngoài ra, do tòa nhà có độ cao như vậy và chính độ cao ấy sẽ làm cho cả tòa nhà được nổi bật, nên chắc chắn việc trang trí lắp

đặt bên ngoài tòa nhà đòi hỏi phải sử dụng những thiết bị vật liệu cao cấp để tương ứng với độ cao của nó, mà điều này chắc chắn sẽ khiến cho mức chi phí trong xây dựng sẽ đội lên rất nhiều.

2. Yêu cầu phòng cháy chữa cháy và cung cấp nước

Do tiêu chuẩn xây dựng đối với nhà siêu cao tầng được đưa ra tương đối cao, yêu cầu số lượng thiết bị cung cấp nước phải nhiều, trữ lượng nước lớn, nếu không khi xảy ra sự cố mất nước hoặc đường ống thoát nước bị tắc, thì phạm vi chịu ảnh hưởng sẽ rất lớn. Do kết cấu tòa nhà siêu cao tầng thiên về chiều dọc, lắp đặt nhiều thiết bị điện, nên mức độ tiềm ẩn hỏa hoạn rất lớn, hơn nữa trong tòa nhà còn sử dụng nhiều loại vật liệu khác nhau để trang trí, nên khiến cho việc dập lửa gặp nhiều khó khăn.

Do kết cấu của các tòa nhà cao tầng khác nhau, nên những yêu cầu đưa ra đối với khoảng cách chống cháy, khu vực chống cháy, các cấp chịu lửa, cửa thoát hiểm an toàn, cơ sở chữa cháy... đối với mỗi tòa nhà cũng khác nhau, nhưng mục tiêu chung của những yêu cầu được đưa ra là không chỉ đảm bảo chữa cháy an toàn cho tòa nhà, mà còn phải tiết kiệm chi phí ở mức tối đa. Do đó, căn cứ vào tính chất sử dụng của tòa nhà, mức độ nguy hiểm của đám cháy, mức độ khó trong việc sơ tán và cứu hộ, theo như quy định, khi đã là tòa nhà siêu cao tầng, cấp độ chống cháy cho các bộ phận chủ thể và tầng hầm của tòa nhà sẽ là cấp 1, cấp độ chịu lửa đối với tấm ốp tường quy định từ cấp 2 trở lên.

II. Thiết kế hệ thống cấp nước cho tòa nhà cao tầng

1. Chọn phương pháp cung cấp nước

Căn cứ vào quy định và yêu cầu sử dụng thiết bị xây dựng cho nhà cao tầng trong “Quy định thiết kế cấp thoát nước trong xây dựng”, có hai phương pháp cung cấp nước cho nhà cao tầng:

Cấp nước bằng phương pháp trọng lực hoặc áp lực: đối với hệ thống cấp nước sinh hoạt và

cấp nước phòng chống cháy, trong thiết kế người ta thường phân vùng rồi sau đó chọn ra phương pháp trọng lực (bể nước trên cao) hoặc áp lực (bể nước khí nén) để cung cấp nước làm sao đáp ứng với yêu cầu quy định về áp lực và áp suất tĩnh, việc phân vùng để chọn ra phương pháp phòng chống cháy chỉ phù hợp đối với các tòa nhà siêu cao tầng, vừa đảm bảo an toàn lại vừa đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế.

Cấp nước bằng phương pháp giảm áp. Căn cứ vào đặc điểm của nhà siêu cao tầng, trong quá trình thiết kế hệ thống cấp nước sinh hoạt và phòng chống cháy, đôi lúc người ta lại sử dụng máy bơm tăng áp. Ưu điểm của phương pháp giảm áp là van giảm áp có thể thay cho việc lắp đặt bể nước, như vậy, sẽ tiết kiệm được không gian cho tòa lầu, van giảm áp chính là làm giảm và ổn định áp lực đầu ra, do đó áp lực đầu ra luôn nhỏ hơn hoặc bằng áp lực đầu vào, nó không những lắp đặt dễ dàng, vận hành linh hoạt, mà còn chống ồn. Ngoài ra, số lượng bơm không nhiều, chi phí sử dụng hàng năm không cao, hình thức bảo vệ và quản lý dễ dàng.

Trong xây dựng nhà siêu cao tầng, thông thường người ta đều thiết kế bể trung chuyển, trong bể trung chuyển bao gồm có 2 bộ phận là bể nước dành riêng cho phòng chống cháy và bể nước sinh hoạt. Trong đó, đối với bể trung chuyển chứa nước dùng cho công tác phòng chống cháy: bể chứa này sẽ hút nước và chuyển lên bể mái, khối lượng nước được lưu trữ phòng chống cháy theo tính toán ít nhất là $60m^3$.

III. Thiết kế hệ thống phòng chống cháy cho nhà siêu cao tầng

1. Thiết kế rào cản lửa

Khi lắp đặt tường chống cháy cần chú ý thi công tại các điểm góc, cửa ra vào, cửa sổ, cấm lắp đặt đường ống vận chuyển khí dễ cháy hoặc các loại chất lỏng trên tường chống cháy, ống cách nhiệt lắp đặt trên tường chống cháy nhất thiết phải là vật liệu chống cháy.

Cửa chống cháy nên lắp đặt cùng với hướng thoát hiểm, có thể đóng tự động, với tính năng chịu lửa ở mức độ nhất định, có thể cản trở đám cháy lan rộng ra xung quanh. Với loại cửa hạng A có thể chịu được 1,2h, cửa loại B chịu được 0,9h, cửa loại C chịu được 0,6h.

Để tránh lửa lan sang cầu thang, cửa sổ, hành lang và các cửa mở khác, có thể phân thành các khu vực để kiểm soát phòng chống cháy, cứ từ 1-3 tầng lầu là một khu vực, tổng diện tích không quá 2.500m², sử dụng tấm bê tông cốt thép chống cháy, không những có thể ngăn cản đám cháy lan rộng, mà còn nâng cao hiệu quả trong việc phân khu vực kiểm soát và chống cháy.

2. Thiết kế đặc thù

Đối với phòng thiết bị, thông gió, phòng điều hòa nhiệt độ..., cần sử dụng vách ngăn, có khả năng chịu lửa ít nhất từ 2h trở lên, khi lắp đặt cửa chống cháy giữa cầu thang và tầng hầm, cần chọn cửa chống cháy loại A, bình quân trọng lượng của những vật dễ cháy cất giữ trong tầng hầm không được vượt quá 30kg/m²

trong mỗi phòng và nhất thiết phải sử dụng tường chống cháy và cửa chống cháy loại A và các bộ phận chống cháy khác.

Đối với những phòng chuyên dụng như khí đốt lò hơi, máy biến áp điện lực ngâm dầu... nhất thiết phải lắp đặt tường chống cháy và cửa chống cháy loại A.

3. Thiết kế phòng cháy chữa cháy

Đối với thang máy phòng cháy chữa cháy: bình thường thang máy phòng cháy chữa cháy đóng vai trò như những thang máy thông dụng khác, nhưng khi xảy ra hỏa hoạn sẽ là phương tiện hữu ích để vận chuyển nhân viên cứu hộ, người già và cả những người bị thương. Ngoài ra, cần bố trí các chốt cứu hỏa tại các hành lang, các bộ phận kết cấu chính tại các tầng trong tòa nhà, để khi có sự cố sẽ dễ dàng trong công tác cứu hộ./.

*Nguồn: Tạp chí xây dựng Trung Quốc số
12/2012
ND: Bích Ngọc*

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị làm việc với Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Ngày 12/9/2012, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng - Nguyễn Thanh Nghị đã có buổi làm việc tại Viện Khoa học công nghệ (KHCN) xây dựng. Tham dự buổi làm việc về phía Viện có Đảng ủy, lãnh đạo Viện, trưởng các đơn vị thuộc Viện, Chủ tịch Công đoàn Viện, Bí thư Đoàn TNCSHCM và các chuyên gia của Viện...

Thay mặt lãnh đạo Viện KHCN Xây dựng, Viện trưởng Trịnh Việt Cường đã báo cáo về kết quả hoạt động của Viện trong 8 tháng đầu năm 2012, cụ thể:

- Về công tác nghiên cứu khoa học: Viện đã thực hiện tổng số 40 nhiệm vụ KHCN, trong đó gồm: 10 đề tài, 28 tiêu chuẩn, quy chuẩn và 2 dự án, với tổng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp cho năm 2012 là 4.475 triệu đồng. Để tạo điều kiện cho cán bộ trẻ trong công tác nghiên cứu khoa học, Viện đã cấp kinh phí để thực hiện ký mới 8 đề tài tổng kết công nghệ với tổng kinh phí là 229 triệu đồng.

- Về phục vụ chức năng QLNN của Bộ: Viện đã thực hiện trên 80 nhiệm vụ phục vụ công tác quản lý Nhà nước của Ngành cụ thể như: Giải quyết các vấn đề kỹ thuật các công trình có ý nghĩa chính trị quan trọng: tham gia hoàn thiện một số công việc thuộc nhiệm vụ công tác phân giới cắm mốc Việt Nam - Trung Quốc; cung cấp hỗ trợ xây dựng cột mốc Việt Nam - Campuchia, Việt Nam-Lào; Các vấn đề kỹ thuật của các công trình lớn: Công trình Bộ Công An, Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1...; Trưng cầu giám định, trả lời địa phương các vấn đề tiêu chuẩn, quy chuẩn và nhiều vấn đề khác: Giám định việc thi công sai thiết kế tại công trình nâng cấp sân vận động Phú Lâm - Hà Đông - Hà Nội; giám định khối lượng, chất lượng hạng mục công trình thi công bài thải xỉ nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn; tham gia Ban chỉ đạo sử dụng xi măng trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông ở Việt Nam.



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu tại buổi làm việc với Viện KHCN Xây dựng

- Về công tác đầu tư phát triển Viện: mục tiêu năm 2012 là tiết kiệm, hiệu quả, do đó chỉ đầu tư sửa chữa những hạng mục thực sự cần thiết để đảm bảo nhà xưởng làm việc cho cán bộ; bằng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và vốn đầu tư phát triển Viện để đảm bảo hoạt động thường xuyên của các phòng thí nghiệm, đồng thời, Viện cũng đã trình Bộ xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng Nhà 16 tầng và Quy hoạch mới của Viện.

- Về hợp tác quốc tế: Viện đã phối hợp với Jaica Nhật Bản tổ chức 2 hội thảo về thiết kế chống động đất cho các công trình nhà máy lọc dầu và hóa dầu; phối hợp với Công ty Nikken Sekkei Civil Engineering tổ chức Hội thảo về Cơ học đất và công trình ngầm....

Theo kế hoạch 4 tháng cuối năm Viện sẽ tập trung hoàn thành dự thảo 05 Quy chuẩn kỹ thuật trình Bộ ban hành; hoàn thành nghiệm thu các tiêu chuẩn biên soạn; tổ chức tốt Hội nghị Khoa học cán bộ trẻ của Viện..

Tại buổi làm việc, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đã chúc mừng những thành tích mà các cá nhân và Viện đạt được. Theo đánh giá của Thứ trưởng, mặc dù nền kinh tế đất nước đang gặp nhiều khó khăn, nhưng trong thời gian qua, trên tinh thần không ngừng nỗ lực

phần đầu, Viện đã triển khai tốt các nhiệm vụ chức năng Quản lý Nhà nước, các hoạt động triển khai kỹ thuật, mặc dù mới chỉ đạt 57%, nhưng có thể nói đây là kết quả đáng khích lệ, thể hiện sự cố gắng trong bối cảnh khó khăn chung như hiện nay.

Đối với các kế hoạch đầu tư phát triển của Viện, Thứ trưởng cũng cho rằng đây là những định hướng đầu tư có chiến lược, có chiều sâu, đảm bảo hoạt động của Viện đồng bộ theo hướng hiện đại hóa. Đối với một số vấn đề còn tồn tại như công tác kế hoạch nghiên cứu khoa học công nghệ chưa đúng tiến độ, công tác đào tạo xây dựng đội ngũ chưa có chuyển biến rõ nét, công tác triển khai kỹ thuật, đầu tư phát triển của Viện cũng chưa có kết quả cụ thể... Thứ trưởng mong rằng, Viện cần tập trung khắc phục chỉ đạo, quan tâm để thực hiện các nhiệm vụ này, dựa trên những kế hoạch đã đề ra và căn cứ vào tình hình thực tế để triển khai, tháo gỡ khó khăn, để Viện phát triển và đạt được nhiều thành tích hơn nữa.

Thông qua những đánh giá và ý kiến góp ý của Thứ trưởng, Viện trưởng Viện KHCN xây dựng Nguyễn Việt Cường đã thay mặt cho tập



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị trao Huân chương Lao động hạng Ba cho các cán bộ của Viện KHCN Xây dựng

thể cán bộ của Viện tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thứ trưởng và cố gắng thực hiện tốt các mục tiêu đề ra, góp phần cho công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước.

Cũng tại buổi làm việc, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đã thừa ủy quyền của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ trao Huân chương Lao động, Bằng khen Chính phủ cho các cá nhân có thành tích xuất sắc của Viện KHCN Xây dựng.

Bích Ngọc

Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cơ quan Bộ Xây dựng lần thứ VII, nhiệm kỳ 2012- 2017

Sáng ngày 12/9/2012, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng đã diễn ra Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cơ quan Bộ Xây dựng lần thứ VII, nhiệm kỳ 2012- 2017

Tới dự Đại hội về phía lãnh đạo Bộ Xây dựng có đ/c Cao Lại Quang - Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng thường trực Bộ Xây dựng; các Thứ trưởng: Nguyễn Thanh Nghị, Phan Thị Mỹ Linh; Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Khải; Chủ tịch Công Đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Trần Thị Lựu; Nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Mạnh Kiểm; Nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội KTS Việt Nam Nguyễn Tấn Vạn.



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu chỉ đạo tại Đại hội

Về phía Trung ương Đoàn có đ/c Dương Văn An - Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Minh, Phó Chủ tịch thường trực UBQG về Thanh niên Việt Nam; đ/c Nguyễn Thị Chung - Phó Trưởng ban Kiểm tra TW Đoàn; đ/c Nguyễn Ngọc Lương - ủy viên BCH TW Đoàn, Bí thư Đoàn khối các cơ quan TW; đ/c Nguyễn Trọng Hiếu - Trưởng ban Phong trào Đoàn khối các cơ quan TW.

Ngoài ra, tham dự Đại hội còn có các đồng chí đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện, Ban Thường vụ Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Ban Thường vụ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khối các cơ quan Trung ương và gần 200 đại biểu ưu tú đại diện cho hơn 2.500 đoàn viên, thanh niên thuộc 25 cơ sở đoàn của cơ quan Bộ Xây dựng.

Theo báo cáo của BCH Đoàn Thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng, nhiệm kỳ 2007 – 2012 vừa qua là giai đoạn khó khăn, tình hình xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế trong nước nói chung và các lĩnh vực hoạt động của ngành Xây dựng nói riêng. Trong bối cảnh đó, hoạt động Đoàn tại cơ quan Bộ Xây dựng cũng gặp phải không ít khó khăn. Song, với nỗ lực cố gắng của tập thể BCH và sự đồng thuận của đoàn viên thanh niên, công tác Đoàn và phong trào thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng trong nhiệm kỳ qua đã có những bước phát triển vượt bậc, đoàn viên, thanh niên phấn đấu vươn lên, vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đoàn thanh niên cơ quan Bộ đã triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình trọng điểm, các mục tiêu nhiệm vụ và hoàn thành vượt mức các Nghị quyết Đại hội đại biểu Đoàn cơ quan Bộ lần thứ VI đề ra. Các phong trào thanh niên tình nguyện, các cuộc vận động tiếp tục được đẩy mạnh, cụ thể hóa trên các lĩnh vực với nhiều giải pháp, mô hình hoạt động mới, hiệu quả, gắn với nhu cầu, lợi ích của cán bộ, đoàn viên thanh niên; đã góp phần định hướng và cổ vũ tinh thần xung kích, tình nguyện của thanh niên tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn. Khẳng định vai trò tham mưu, chỉ



Thứ trưởng Cao Lại Quang trao bức Trường của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Đoàn Thanh niên Cơ quan Bộ Xây dựng

đạo và định hướng của tổ chức Đoàn trong việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Với những thành tích đạt được, trong 5 năm qua, Đoàn thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng luôn được Đoàn khối các cơ quan Trung ương đánh giá là đơn vị xuất sắc, liên tục được nhận Bằng khen của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Theo đánh giá của ủy viên BCH TW Đoàn, Bí thư Đoàn khối các cơ quan TW - Nguyễn Ngọc Lương tại Đại hội, Đoàn Thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng là đơn vị mạnh, có nhiều đóng góp trong phong trào của Đoàn Khối các cơ quan TW. Trong nhiệm kỳ 2007-2012 vừa qua, các đồng chí đã làm tốt nhiệm vụ được giao, đặc biệt là công tác giáo dục lý luận chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống bằng hình ảnh trực quan, qua các hoạt động như Hành trình về Nguồn, lễ dâng hương tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ tại nghĩa trang Trường Sơn, Ngã Ba Đồng Lộc, Thành cổ Quảng Trị, các hoạt động tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng tại nhiều địa phương trên khắp mọi miền Tổ quốc...

Phát biểu tại Đại hội, Thứ trưởng Cao Lại Quang thay mặt Ban Cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Xây dựng, ghi nhận và đánh giá cao thành tích Đoàn Thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng đạt được trong thời gian qua cũng như những đóng góp của tuổi trẻ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính trị của Bộ.

Trên cơ sở bám sát định hướng của Đoàn khối các cơ quan Trung ương, nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng bộ cơ quan Bộ Xây dựng; BCH Đoàn Thanh niên cơ quan Bộ xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong nhiệm kỳ 2012- 2017 là: Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đoàn, chất lượng đoàn viên, chất lượng cán bộ Đoàn, tích cực tham gia xây dựng Đảng và chính quyền đơn vị; đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục chính trị tư tưởng và phương thức hoạt động của Đoàn cơ quan Bộ theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả; nâng cao hiệu quả tuyên truyền, giáo dục chính trị; bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị cho đoàn viên thanh niên; đẩy mạnh thực hiện việc học tập và làm theo lời Bác trở thành hành động tự giác trong đoàn viên, thanh niên; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về đạo đức, lối sống nhằm hình thành những phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam sống vì cộng đồng, vì tập thể, sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật; tiếp tục đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng “Xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “Đồng hành với thanh niên trên con đường lập thân, lập nghiệp”; tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, cung cấp các kỹ năng cho thanh niên về hội nhập quốc tế; bồi dưỡng bản lĩnh và sự tự tin trong hội nhập; tạo điều kiện và cơ hội để đoàn viên thanh niên được chủ động tham gia các hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế; tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp nhằm củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đoàn; quán triệt sâu sắc tư tưởng xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh là khâu quan trọng

trong công tác xây dựng Đảng, thực hiện tốt chức năng là đội hậu bị tin cậy của Đảng.

BCH Đoàn thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2012-2017 đã đề ra một số chỉ tiêu phấn đấu: 100% đoàn viên, thanh niên tham gia học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và của Đoàn; 100% các cơ quan Đoàn và đoàn viên thanh niên thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; 80% chi đoàn và đoàn cơ sở đạt danh hiệu vững mạnh, không có cơ sở Đoàn trung bình và yếu kém; phấn đấu nhiệm kỳ 2012- 2017 có 400 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng; 100% cơ sở Đoàn tham mưu với cấp ủy Đảng có nghị quyết về công tác thanh niên; 100% cán bộ Đoàn chủ chốt được tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đoàn, thực hiện ít nhất 30 công trình phần việc thanh niên trở lên; phấn đấu hàng năm có 70% đoàn viên thanh niên đạt danh hiệu Lao động tiên tiến cấp Cơ sở trở lên.

Với tinh thần đồng hành cùng thanh niên trên con đường lập thân, lập nghiệp; chào mừng Đại hội Đoàn các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu Đoàn khối các cơ quan Trung ương lần thứ II và Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ X, Đại hội đại biểu Đoàn thanh niên cơ quan Bộ Xây dựng lần thứ VII kêu gọi toàn thể đoàn viên, thanh niên cơ quan Bộ nêu cao tinh thần đoàn kết, thi đua lao động, học tập, rèn luyện về mọi mặt; năng động, sáng tạo hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; đóng góp sức trẻ vào việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của ngành Xây dựng./.

Bích Ngọc

Hội thảo góp ý Dự thảo sửa đổi, bổ sung Nghị định số 88/2007/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp

Ngày 13/9/2012 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) tổ chức Hội thảo góp ý Dự thảo sửa đổi,

bổ sung Nghị định 88/2007/NĐ-CP về thoát nước đô thị và khu công nghiệp (KCN).

Tham dự Hội thảo về phía Bộ Xây dựng có



TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục HTKT Bộ Xây dựng phát biểu khai mạc Hội thảo

TS. Nguyễn Hồng Tiến, Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ. Tới dự Hội thảo còn có ông Hanns Bernd Kuchta, Giám đốc Chương trình WMP Tổ chức hợp tác Quốc tế Đức; đại diện Văn phòng Chính phủ; đại diện các Bộ Ngành và địa phương liên quan; đại diện một số công ty thoát nước các đô thị trên cả nước.

Báo cáo mở đầu Hội thảo, TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng Kỹ thuật, Bộ Xây dựng cho biết, qua 5 năm thực hiện Nghị định 88/2007/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 28/5/2007, hệ thống cấp thoát nước đô thị và KCN đã được đầu tư, xây dựng và cải tạo, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân các đô thị Việt Nam. Bên cạnh những thành tựu đạt được trong công tác quy hoạch thoát nước; trong việc ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các quy định về quản lý hoạt động thoát nước tại các địa phương; trong công tác đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; xác định phí thoát nước..., việc triển khai thực hiện Nghị định trên thực tế cũng cho thấy một số điểm bất cập, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. TS. Nguyễn Hồng Tiến cho biết: sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung của Nghị định 88/2007/NĐ-CP và các ý kiến góp ý từ 50/63 tỉnh thành trong cả nước, Cục Hạ tầng Kỹ thuật - đơn vị chịu trách nhiệm biên tập đã tổng hợp và thống nhất một số nội dung cần được nghiên cứu, sửa đổi. Theo TS.



Các đại biểu dự Hội thảo

Nguyễn Hồng Tiến, Hội thảo này là dịp để trao đổi, thảo luận với các địa phương, tiếp thu các ý kiến đóng góp cho Dự thảo sửa đổi bổ sung Nghị định 88.

Sau khi nghe báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện Nghị định 88 và nội dung cần sửa đổi, và nghe một số tham luận về thực trạng thu phí thoát nước, báo cáo của Phòng Cấp thoát nước - Cục HTKT; kinh nghiệm thu phí thoát nước của Hải Phòng - báo cáo của Công ty Thoát nước thành phố Hải Phòng, kinh nghiệm lập quy định về quản lý thoát nước tại địa phương – báo cáo của Sở Xây dựng Bắc Ninh...; các đại biểu tham dự Hội thảo đã sôi nổi thảo luận và góp ý đối với Dự thảo sửa đổi. Một số nội dung về phí thoát nước, vấn đề xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải, vấn đề xử lý tại chỗ, vấn đề về nước mưa, bùn đọng...- những nội dung chưa được đề cập tới hoặc đề cập chưa rõ trong Nghị định 88 - được các đại biểu rất quan tâm và bàn bạc cụ thể.

Trong phiên họp buổi chiều cùng ngày, các đại biểu tiếp tục tham gia đóng góp ý kiến, để góp phần hoàn thiện Dự thảo sửa đổi bổ sung Nghị định 88, đáp ứng nhu cầu thực tế và nguyện vọng của người dân các đô thị trong lĩnh vực thoát nước, đồng thời tạo đà phát triển mới cho ngành Thoát nước Việt Nam.

Lệ Minh

Hội thảo “Thị trường bất động sản - Giải pháp và cơ hội tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng”

Ngày 12/9/2012 tại Hà Nội, dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, Báo Xây dựng đã tổ chức cuộc Hội thảo mang chủ đề “Thị trường Bất động sản - Giải pháp và cơ hội tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng”. Tới dự Hội thảo có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ. Hội thảo thu hút sự quan tâm của đại diện nhiều Bộ, ngành liên quan; đại diện các Hiệp hội, các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Bất động sản (BDS); đại diện các Ngân hàng Thương mại, các cơ quan tổ chức tín dụng...

Phát biểu chỉ đạo Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cho biết: Trên cơ sở các văn bản pháp luật, đặc biệt Luật Nhà ở và Luật kinh doanh BDS ra đời vào các năm 2005 và 2006 đã tạo dựng cho thị trường BDS những thành tựu ban đầu, đóng góp đáng kể vào công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Bộ mặt các đô thị Việt Nam thay đổi nhanh chóng với nhiều công trình mới, khang trang; đáp ứng nhu cầu của một bộ phận người dân và các doanh nghiệp. Bên cạnh việc thu hút vốn đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động; thị trường BDS năm 2011 còn nhiều bất cập, phát triển lệch lạc, một trong những nguyên nhân – theo Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam – là khả năng chi trả thực sự của các doanh nghiệp. Thứ trưởng cho biết: nhiều doanh nghiệp đổ xô vào lĩnh vực này song không đủ năng lực quản lý, không có năng lực tài chính. Dư nợ BDS tăng nhanh, trong khi quy hoạch của chúng ta lại thiếu kế hoạch; sử dụng đất tùy tiện dẫn đến thiếu năng lực cân đối cung cầu, thiếu cơ sở pháp lý thực hiện, rủi ro nhiều ...là những bất cập, những khó khăn mà thị trường BDS phải đối mặt trong năm qua. Điều này càng trầm trọng thêm bởi nguyên



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu chỉ đạo tại Hội thảo

nhân khách quan là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, Chính phủ buộc phải thực hiện một loạt biện pháp chống lạm phát, thắt chặt tiền tệ...Do đó, lòng tin của xã hội, của các doanh nghiệp và người dân vào thị trường BDS có giảm sút, ảnh hưởng trực tiếp không những tới các doanh nghiệp và nhu cầu người dân, mà còn tới cả khả năng trả nợ cho ngân hàng. Thứ trưởng nêu rõ: thị trường BDS chủ yếu vẫn phụ thuộc nguồn vốn ngân hàng. Với động thái giảm lãi suất cho vay, con đường tiếp cận nguồn vốn của các ngân hàng đã rộng mở hơn rất nhiều. Còn về phần mình, các doanh nghiệp BDS đã biết linh hoạt điều chỉnh hoạt động của mình theo hướng đưa ra các sản phẩm đúng với khả năng thanh toán của thị trường hơn (ví dụ: các căn hộ nhỏ). Những động thái tích cực như vậy - Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam chia sẻ - cùng với sự lãnh đạo kinh tế đúng hướng và sáng suốt cho phép chúng ta dự đoán thị trường BDS sẽ ấm dần và hồi phục trong tương lai không xa. Thứ trưởng cho biết thêm: những khó khăn hiện thời cũng là dịp để các chủ thể tham gia thị trường BDS có cơ hội điều chỉnh hoạt động của mình đối với thị trường này.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe và cùng thảo luận về thực trạng và giải pháp phát

triển thị trường BĐS tại Việt Nam – tham luận của TS. Nguyễn Mạnh Hà, Cục trưởng Cục Quản lý nhà & TT BĐS. Trong tham luận chỉ rõ: nguồn vốn cho thị trường BĐS chủ yếu từ hệ thống ngân hàng và tiết kiệm người dân. Nguồn tín dụng trung và dài hạn hầu như không có, trong khi lãi suất vay ngắn hạn rất cao, dẫn tới khi ngân hàng xiết chặt cho vay sẽ tác động tới kế hoạch triển khai dự án của các chủ đầu tư, gây lãng phí, giảm nguồn cung cho thị trường. Bên cạnh đó, hiện tượng đầu cơ, kích giá, « tâm lý đám đông» còn diễn ra phổ biến làm méo mó mất ổn định thị trường. Để chấn hưng thị trường BĐS – nhân tố quan trọng trong phát triển kinh tế và xã hội của đất nước, bài tham luận kiến nghị cần một ý chí kiên định trong việc thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, và Chỉ thị số 2196/CT-TTg ngày 6/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý thị trường BĐS.

Các tham luận của các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Tài chính, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW, Sở Xây dựng Hà Nội...) và của các



Toàn cảnh Hội thảo

tổ chức tín dụng (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam...) thực sự là những tiếng nói chung, những gợi mở về chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong vấn đề vay vốn; các thức lựa chọn kênh huy động vốn có hiệu quả đối với doanh nghiệp BĐS. Tất cả đều hướng tới mong muốn: xã hội, doanh nghiệp và người dân đều mong muốn thị trường BĐS sẽ lại khởi sắc trong những năm tới đây, đóng góp phần quan trọng vào mục tiêu phát triển kinh tế xã - hội của cả nước.

Lệ Minh

Giải pháp quy hoạch sinh thái ít ô nhiễm ở khu vực Xikezhan Tề Nam

Xikezhan là một bộ phận cấu thành quan trọng của khu vực phía tây Tề Nam, sẽ được xây dựng thành một trong ba trung tâm thương mại của khu nội thành Tề Nam. Là một khu đô thị mới, Xikezhan có ưu thế về tài nguyên sinh thái độc đáo khi xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm. Bài viết này tổng kết kinh nghiệm quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm của Trung Quốc những năm gần đây ở các khía cạnh như: lựa chọn con đường phát triển đúng đắn, hoàn thiện thể chế quản lý, nội dung quản lý... Dựa trên cơ sở điều kiện hiện trạng của khu vực Xikezhan, nêu ra giải pháp xây dựng và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị

sinh thái ít ô nhiễm Xikezhan Tề Nam.

I. Kinh nghiệm xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm

Năm 2009, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trung Quốc Cừu Bảo Hưng đã lần đầu tiên đưa ra khái niệm “đô thị sinh thái ít ô nhiễm”. Một số thành phố khu vực miền Đông của Trung Quốc đã đi đầu trong việc triển khai xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm, áp dụng các phương thức như xây dựng khu vực thí điểm và công trình thí điểm, thành lập ban quản lý, đề ra biện pháp quản lý, hình thành điều lệ quy tắc và hệ thống chỉ tiêu quản lý... nhằm đẩy mạnh xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm.

1. Lựa chọn con đường phát triển đúng đắn, thông qua các khu vực thí điểm và công trình thí điểm

Xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm là một quá trình lâu dài. Hiện nay, những nghiên cứu trong nước của Trung Quốc về đô thị sinh thái ít ô nhiễm mới ở giai đoạn ban đầu, nhiều vấn đề lý luận cần được nghiên cứu, cũng có nhiều ví dụ thực tiễn và kinh nghiệm mới về xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm. Trong bối cảnh như vậy, Thượng Hải được xác định là một trong hai đô thị thí điểm phát triển đô thị sinh thái ít ô nhiễm của Trung Quốc, đi đầu nghiên cứu thực tiễn xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm. Kết hợp với thực tế phát triển của mình, Thượng Hải đã chọn đảo Tôn Minh, khu thương mại Hồng Kiều và khu Lâm Cảng làm khu vực thí điểm. Khu sinh thái Trung Tân (Thiên Tân), khu sinh thái quốc tế Tào Phi (Đường Sơn) và khu Quang Minh (Thâm Quyển) ... đều là những tìm tòi thực tiễn xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm với khuôn khổ các khu vực trong đô thị. Thực tế thí điểm ở phạm vi nhỏ và theo thứ tự từ dưới lên giúp cho việc dễ dàng kết hợp chặt chẽ với tình hình hiện nay của các thành phố khác nhau, là con đường xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm có thể lựa chọn. Xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm không nhất thiết phải bắt đầu từ toàn thành phố, cần phải xây dựng khu thí điểm về sinh thái ít ô nhiễm, điều này có ý nghĩa làm mẫu đối với các thành phố khác.

2. Hoàn thiện thể chế quản lý, thành lập ban quản lý, để ra biện pháp quản lý

Khu thí điểm sinh thái ít ô nhiễm là khu xây dựng có đặc trưng rõ nét, khác hẳn các khu vực xung quanh. Để tiện quản lý, trong thực tế, nhiều địa phương đã thành lập ban quản lý. Mô hình quản lý có chủ thể quản lý với trách nhiệm được quy định rõ ràng, gắn kết tương đối chặt chẽ với thể chế quản lý hiện hành có thể bảo đảm hữu hiệu cho việc xây dựng khu thí điểm sinh thái ít ô nhiễm.

Hai loại hình Ban quản lý xây dựng đô thị

sinh thái ít ô nhiễm phổ biến hiện nay ở Trung Quốc gồm: mô hình quản lý tập trung và mô hình quản lý phân tán. Theo mô hình tập trung, Ban quản lý là một cơ quan cụ thể, có chức năng xác định, được ủy quyền thực hiện những công việc quản lý quy hoạch và xây dựng. Ban quản lý Khu thương mại Hồng Kiều, ban quản lý khu sinh thái Trung Tân đều thuộc mô hình này. Ban quản lý là bộ máy của chính quyền địa phương, đảm nhận chức năng chính quyền của khu sinh thái như đề ra các chế độ hữu quan của khu sinh thái... Theo mô hình phân tán, ban quản lý được cấu thành bởi các đơn vị thuộc các ngành chủ quản hành chính của chính quyền, các ngành cụ thể chịu trách nhiệm từng công tác cụ thể. Ban quản lý xây dựng cộng đồng sinh thái quốc tế thị trấn Trần Gia ở đảo Tôn Minh thuộc loại hình này.

Công tác quản lý xây dựng khu thí điểm còn cần phải được xác định và quy phạm thông qua các chế độ quản lý cụ thể. Tổng kết kinh nghiệm thực tế, có thể thấy, cần phải đề ra các biện pháp tương ứng làm cơ sở, quy phạm công tác xây dựng ở những mặt như mô hình quản lý, trình tự quản lý, nội dung quản lý, quy trình công tác, cơ chế đánh giá...

3. Nghiên cứu kỹ nội dung quản lý, đề ra tiêu chuẩn kỹ thuật, thực hiện quản lý quy hoạch

Quan triệt khái niệm sinh thái ít ô nhiễm, mở rộng ứng dụng kỹ thuật sinh thái ít ô nhiễm cần có sự trợ giúp của cơ chế và thể chế hiệu quả lâu dài. Trong đó, quy hoạch đô thị có thể thông qua sửa đổi hệ thống chỉ tiêu quy hoạch, đề ra tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật hữu quan, đưa các khái niệm phát triển sinh thái ít ô nhiễm, chính sách đối với các ngành sản xuất, phương thức quyết định dựa vào khung quản lý của quy hoạch đô thị, từ đó có tác dụng thúc đẩy đô thị phát triển. Tham khảo thực tiễn xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm, đa số kinh nghiệm thực tiễn là đưa khái niệm sinh thái ít ô nhiễm vào nội dung quản lý của quy hoạch hiện có, để ra quy

tác hướng dẫn xây dựng, thông qua hệ thống chỉ tiêu kỹ thuật sinh thái ít ô nhiễm toàn diện, tiến hành điều tiết và quy phạm đối với hành vi xây dựng.

Khu cộng đồng sinh thái ít ô nhiễm quốc tế thị trấn Trần Gia đã đưa các chỉ tiêu giảm thiểu ô nhiễm vào quy tắc hướng dẫn xây dựng cụ thể để quản lý điều tiết. “Quy tắc hướng dẫn xây dựng khu cộng đồng sinh thái ít ô nhiễm quốc tế thị trấn Trần Gia” quy định chi tiết về xây dựng cộng đồng, xây dựng nhà ở và công trình công cộng, lựa chọn, tối ưu hóa và ứng dụng kỹ thuật sinh thái ít ô nhiễm trong thiết kế quy hoạch và thiết kế công trình xây dựng. Đề ra hệ thống chỉ tiêu hoàn thiện trong 9 lĩnh vực như năng lượng, giao thông, tài nguyên, phủ xanh khu vực, môi trường khu vực, không gian ngầm, cộng đồng trí tuệ, nhân văn ít ô nhiễm, nhà ở ít ô nhiễm..., làm mẫu và hướng dẫn xây dựng cộng đồng sinh thái ít ô nhiễm.

Khu sinh thái Trung Tâm, khu sinh thái quốc tế Tào Phi đã xây dựng hệ thống chỉ tiêu quản lý toàn diện, chỉ đạo quy hoạch xây dựng đô thị, đề ra quy tắc hướng dẫn và lựa chọn chỉ tiêu, đạt được mục tiêu giảm chất thải. Hệ thống chỉ tiêu khu sinh thái ít ô nhiễm Trung Tâm gồm chỉ tiêu định lượng và chỉ tiêu mang tính hướng dẫn. Khu sinh thái quốc tế Tào Phi đề ra hệ thống chỉ tiêu kỹ thuật dành riêng cho doanh nghiệp, nhân dân hoặc chính quyền. Ngoài ra, các quy định như “Tiêu chuẩn đánh giá công trình thân thiện với môi trường khu sinh thái Trung Tâm” (GBES), “Quy tắc hướng dẫn thiết kế và yêu cầu quản lý phát triển công trình xây dựng thân thiện với môi trường Tào Phi” là những văn bản quy phạm điều chỉnh các hoạt động xây dựng trong khu sinh thái.

II. Tình hình chung của khu Xikezhan Tề Nam

Theo quy hoạch tổng thể của thành phố Thiên Tân, khu vực trung tâm có kết cấu như sau: khu phố chính, khu mới phát triển phía đông, khu mới phát triển phía tây và khu mới

phát triển dọc theo bờ sông. Khu Xikezhan là bộ phận cấu thành quan trọng của khu mới phát triển phía Tây, có diện tích đất xây dựng theo quy hoạch khoảng 26,08 km², là khu vực đô thị phát triển mạnh. Khu Xikezhan nhân cơ hội xây dựng đường sắt cao tốc Bắc Kinh – Thượng Hải để định vị quy hoạch thành “Trung tâm đô thị mới”, tăng cường phát triển ngành dịch vụ hiện đại, chức năng chính được quy hoạch là thương mại, tài chính, kinh tế...

Khu Xikezhan có ưu thế nhất định khi xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm. Trước hết, nó là khu đô thị mới phát triển, so với khu trung tâm, khu Xikezhan có tính đàn hồi tương đối mạnh ở các mặt như không gian, sử dụng đất đai, mô hình tổ chức giao thông..., tăng cường ứng dụng khái niệm sinh thái ít ô nhiễm ở thời kỳ đầu quy hoạch xây dựng. Thứ hai, do vị trí địa lý đặc thù của mình, khu Xikezhan có nguồn tài nguyên sinh thái phong phú như đất nông nghiệp, đất ẩm, mặt nước, bờ sông..., quy hoạch xây dựng công viên đất ẩm quốc gia Tề Nam, nâng cao chất lượng môi trường đô thị. Điều kiện sinh thái tự nhiên của Xikezhan là một ưu thế quan trọng để quy hoạch nơi này thành một đô thị sinh thái ít ô nhiễm.

Dựa trên “Nghiên cứu quy hoạch không gian mới cho miền Tây theo mô hình phát triển sinh thái ít ô nhiễm”, kết hợp thực tiễn xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm trong và ngoài nước với tình hình hiện nay của khu vực miền Tây, Chính quyền thành phố Thiên Tân đã đề ra mục tiêu xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm ở khu vực Tây Tề Nam, kiến nghị giải pháp xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm ở các mặt như công trình xây dựng công cộng, khu dân cư, khu sinh thái...

III - Kiến nghị quy hoạch xây dựng và quản lý khu sinh thái ít ô nhiễm Xikezhan

1. Xác định rõ mục tiêu xây dựng, chỉ đạo quy hoạch xây dựng

a) Tranh thủ được sự phê chuẩn là đô thị sinh thái ít ô nhiễm đột đầu trong cả nước

Tháng 6/2011, Bộ Xây dựng Trung quốc ban hành “Biện pháp tạm thời của Bộ Xây dựng về việc quản lý báo cáo xây dựng thành phố (thị trấn) sinh thái ít ô nhiễm”. Biện pháp này là Điều lệ đầu tiên chỉ đạo và quy phạm việc xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm. Về mặt quy hoạch xây dựng, khu Xikezhan Tề Nam đã đáp ứng 5 điều kiện cơ bản của “Biện pháp tạm thời của Bộ Xây dựng về việc quản lý báo cáo xây dựng thành phố (thị trấn) sinh thái ít ô nhiễm”, có thể triển khai công tác báo cáo tổ chức, tích cực tranh thủ được phê chuẩn là đô thị sinh thái ít ô nhiễm đợt đầu trong cả nước. Thời gian sắp tới, cần phải tích cực hiệp thương với các ban ngành hữu quan như Sở Xây dựng, Sở Khoa học kỹ thuật, Cục Quy hoạch... để tranh thủ sự ủng hộ về cơ chế, tiền vốn...tiến hành công tác chuẩn bị báo cáo chính lý tài liệu, tích lũy kỹ thuật..., tổ chức soạn thảo “Báo cáo đánh giá tình hình môi trường, tài nguyên hiện nay của khu vực mới phát triển miền Tây thành phố Tề Nam và phân tích điều kiện phát triển kinh tế xã hội khu vực này”, “Nội dung cơ bản quy hoạch thành phố (thị trấn) thí điểm sinh thái ít ô nhiễm khu vực mới phát triển miền tây thành phố Tề Nam” và “Phương án thực hiện xây dựng thành phố (thị trấn) thí điểm sinh thái ít ô nhiễm khu vực mới phát triển miền tây thành phố Tề Nam”.

b) Xây dựng khu sinh thái ít ô nhiễm đầu tiên của thành phố Tề Nam

Biện pháp mang tính thực nghiệm xây dựng khu đô thị sinh thái ít ô nhiễm với quy mô nhỏ và theo trình tự từ dưới lên mà Thượng Hải lựa chọn và đang khởi động có ý nghĩa làm mẫu quan trọng đối với khu Xikezhan Tề Nam. Kết hợp với mục tiêu sáng tạo mô hình đô thị mới cấp Nhà nước của thành phố Tề Nam, khu Xikezhan có thể đi đầu xây dựng khu đô thị sinh thái ít ô nhiễm, ứng dụng tổng hợp kỹ thuật quy hoạch và xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm, tập trung thành tựu sáng tạo ở mặt xây dựng đô thị. Xoay quanh mục tiêu xây dựng này, cần nhanh chóng xác định quy mô và loại hình khu

sinh thái ít ô nhiễm. Về điều này, quy mô đất xây dựng khu thí điểm sinh thái ít ô nhiễm khoảng 3 - 4 km² là phù hợp nhất, tiện cho việc hình thành một tổ hợp chức năng hoàn thiện, có hiệu ứng trình diễn tương đối mạnh về ứng dụng kỹ thuật quy hoạch xây dựng sinh thái ít ô nhiễm. Loại hình khu thí điểm sinh thái ít ô nhiễm có nội dung chủ yếu là khu thương mại sinh thái ít ô nhiễm, chú trọng xác định 4 chỉ tiêu giảm thiểu xả chất thải cũng như bố cục không gian, tổ chức giao thông, sử dụng năng lượng và thiết kế xây dựng..., nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng.

2. *Kiến toàn thể chế quản lý, điều chỉnh cơ chế quản lý*

Học tập kinh nghiệm xây dựng quản lý đô thị sinh thái ít ô nhiễm trong nước, khu vực mới phát triển phía Tây Tề Nam cần phải nhanh chóng thành lập ban quản lý, phụ trách công tác thẩm tra phê chuẩn quy hoạch, quản lý xây dựng, giám sát và chỉ đạo hoạt động xây dựng trong khu Xikezhan. Vì khu vực mới phát triển miền Tây vượt ra ngoài phạm vi quản lý hành chính của Tề Nam, nên thiếu ngành quản lý hành chính cụ thể, ban quản lý có thể tổ chức theo mô hình phân tán, do nhiều ngành chủ quản hành chính chính quyền như cải cách và phát triển, xây dựng, giao thông, quy hoạch, đất đai, nhà ở, bảo vệ môi trường, phủ xanh, bộ mặt đô thị... cấu thành, công tác cụ thể do các ngành hữu quan thực hiện. Đồng thời, công tác quản lý xây dựng khu Xikezhancòn cần có chế độ quản lý cụ thể để xác định và quy phạm, cần nhanh chóng đề ra “Biện pháp quản lý xây dựng sinh thái ít ô nhiễm của khu Xikezhan” làm cơ sở quản lý, xuất phát từ các mặt như mô hình quản lý, quy trình công tác và cơ chế đánh giá... để quy phạm công tác xây dựng, xác định nội dung xây dựng phát triển khu Xikezhan, quy phạm trình tự quản lý hành chính các hoạt động xây dựng.

3. *Đề ra quy tắc xây dựng, hoàn thiện quy hoạch đã có*

Xét về yêu cầu sinh thái ít ô nhiễm, khi quản lý sử dụng đất đai và sử dụng không gian, quy hoạch đô thị phải quan tâm tới tiết kiệm, tái sử dụng, quản lý tổng hợp năng lượng và tài nguyên. Hệ thống chỉ tiêu là biện pháp quản lý quan trọng để thực hiện quy hoạch, là một trong những điều kiện then chốt để chuyển hướng từ nghiên cứu lý luận xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm sang thao tác thực hiện. Trên cơ sở quy hoạch hiện có, khu Xikezhan thông qua việc đề ra quy tắc xây dựng để hình thành hệ thống chỉ tiêu kỹ thuật sinh thái ít ô nhiễm toàn diện, quản lý và quy phạm hành vi xây dựng. Đồng thời, dưới sự hướng dẫn của quy tắc xây dựng, cần phải hoàn thiện và sửa đổi quy hoạch đã có. Kiến nghị khu Xikezhan nên đề ra những quy tắc xây dựng sau:

a) *Đề ra “Quy tắc xây dựng công trình công cộng ít ô nhiễm”*

Công nghiệp, xây dựng và giao thông là ba nguồn gây ô nhiễm chủ yếu, mà xây dựng là nhân tố hàng đầu có thể giảm thiểu ô nhiễm. Mấy năm gần đây, khu Xikezhan - một trong ba trung tâm thương mại cấp thành phố, đã triển khai xây dựng tương đối nhiều công trình công cộng. Vì vậy, họ cần phải coi xây dựng là đối tượng chủ yếu cần giảm thiểu ô nhiễm. Khu Xikezhan cần lấy “Tiêu chuẩn đánh giá công trình xây dựng thân thiện với môi trường” làm cơ sở, tổ chức các nhân viên các ngành xây dựng, quy hoạch, thị chính, giao thông, môi trường, sinh thái... nghiên cứu đề ra “Quy tắc xây dựng công trình công cộng sinh thái ít ô nhiễm ở khu mới phát triển miền tây Tế Nam”. Nội dung chủ yếu của quy tắc bao gồm tiết kiệm đất và môi trường bên ngoài, tiết kiệm năng lượng và sử dụng năng lượng, tiết kiệm vật liệu, nâng cao chất lượng công trình và quản lý vận hành...

b) *Đề ra “Quy tắc xây dựng cộng đồng sinh thái ít ô nhiễm”*

Đối với việc xây dựng khu dân cư, khu Xikezhan cần phải quán triệt khái niệm sinh thái ít ô nhiễm, xây dựng một cộng đồng sinh

thái ít ô nhiễm. Kiến nghị khu Xikezhan nên học tập “Quy tắc xây dựng cộng đồng sinh thái ít ô nhiễm quốc tế của thị trấn Trần Gia”, đề ra “Quy tắc xây dựng cộng đồng sinh thái ít ô nhiễm của khu Xikezhan Tế Nam” ở 7 mặt như sử dụng năng lượng, sử dụng tài nguyên nước, hệ thống giao thông, phủ xanh cảnh quan, môi trường khu vực, không gian ngầm, hệ thống thông minh.... Xác định chỉ tiêu quản lý và chỉ tiêu hướng dẫn nhằm chỉ đạo xây dựng cộng đồng sinh thái ít ô nhiễm.

c) *Đề ra “Quy tắc xây dựng khu thực tiễn thương mại sinh thái ít ô nhiễm”*

Công tác xây dựng khu thí điểm sinh thái ít ô nhiễm có diện ảnh hưởng rộng, nội dung phức tạp, cần phải thể hiện những tiến bộ mới, thành quả mới của kỹ thuật sinh thái ít ô nhiễm trong xây dựng đô thị. Dưới sự chỉ đạo của mục tiêu xây dựng khu sinh thái ít ô nhiễm đầu tiên ở thành phố Tế Nam, “Quy tắc xây dựng khu thương mại sinh thái ít ô nhiễm” cần phải dựa trên cơ sở là quy tắc xây dựng công trình công cộng ít ô nhiễm và xây dựng cộng đồng sinh thái ít ô nhiễm, nhấn mạnh các nội dung quản lý ở các mặt như môi trường khu vực, giao thông, đường sá, tài nguyên nước và năng lượng... Quy tắc xây dựng phải có nội dung trọng tâm là giảm thiểu ô nhiễm và ảnh hưởng đối với môi trường, thực hiện tính gương mẫu của khu thí điểm sinh thái ít ô nhiễm.

4. Sách lược xây dựng sinh thái ít ô nhiễm khu Xikezhan

a) *Tăng cường xây dựng hành lang xanh sinh thái, giảm bớt hiệu ứng nhà kính*

Phát triển xây dựng quy mô lớn sẽ khiến cho hiệu ứng nhà kính tăng lên, xả ra môi trường nhiều chất thải nhiều hơn, do vậy, khu Xikezhan nên áp dụng các biện pháp sau để ứng phó: Thứ nhất, nâng cao thích đáng diện tích đất phủ xanh trong khu, tăng cường thu hồi khí các boníc... Kết hợp với đất phủ xanh công cộng đã có, nâng tỷ lệ phủ xanh trong khu đạt trên 30%, cao hơn tỷ lệ phủ xanh 14% của khu vực trung

tâm Tê Nam. *Thứ hai*, mở rộng diện tích đất phủ xanh công viên khu vực trung tâm, hình thành hành lang xanh thống nhất với phong cảnh chủ đạo. Tăng thêm diện tích đất phủ xanh cảnh quan phía Đông và phía Tây khu Xikezhan, đặc biệt là diện tích đất xây dựng quảng trường phía Tây và Công viên Thể thao ở phía Đông, khiến chúng trở thành tấm lá chắn màu xanh giảm bớt hiệu ứng nhà kính. Kết hợp với hướng gió chính Nam chủ đạo vào mùa hè của địa phương, xây dựng vành đai phủ xanh tương đối rộng, dọc theo đường Đại Kim, khu phía bắc đường vành đai 2, khu phía bắc sông Lạp Sơn, hình thành hành lang sinh thái xuyên suốt Bắc - Nam, khiến cho không khí trong lành thoáng mát tràn vào khu trung tâm.

b) Sử dụng tổng hợp nguồn tài nguyên đất đai, phát triển với nhịp độ cao

Quy hoạch 3 trung tâm công cộng đô thị văn hóa, hội nghị triển lãm và thương mại ở khu vực trung tâm của Xikezhan. Về quy hoạch xây dựng, cần phải tránh phân khu chức năng đơn nhất quá lớn, chú ý quan tâm tới sự cân đối tương đối giữa nơi làm việc và nơi cư trú, phân bố nơi làm việc và nơi cư trú gần nhau, từ đó sử dụng tổng hợp và hữu hiệu nguồn tài nguyên đất đai; ở khu vực trung tâm và các phố lân cận, cần phải khuyến khích sử dụng tổng hợp tài nguyên đất đai một cách thích đáng, nhấn mạnh phát triển hỗn hợp các công trình đồng bộ nhà ở và thương mại để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của cư dân trong phạm vi khoảng cách ngắn; tăng thêm mật độ mạng lưới đường nhánh, hình thành khu phố nhỏ, nâng cao mức thuận tiện của giao thông công cộng; cần phải làm tốt việc quy hoạch xây dựng và phát triển không gian ngầm ở khu vực trung tâm Xikezhan, kiên trì nguyên tắc phát triển thống nhất không gian ngầm, phối hợp chức năng các công trình trên và dưới mặt đất, hình thành không gian ngầm tổng hợp thống nhất các chức năng như thương mại, văn hóa... Trên cơ sở đó, cần chú ý bố cục đất xây dựng với tiết tấu cao,

đặc biệt nâng cao cường độ khai thác đất đai hai bên hành lang công cộng chủ yếu nhằm hạn chế nhu cầu sử dụng xe hơi cá nhân.

c) Xây dựng hệ thống giao thông đường sắt cao tốc hiệu quả cao

Khu Xikezhan là khu vực cửa ngõ của thành phố, giữa giao thông với bên ngoài và giao thông đô thị, đường sắt cao tốc và ô tô đường dài còn tồn tại một lượng lớn hành khách phải chuyển xe. Tổ chức hợp lý nhiều phương thức giao thông, tổ chức xây dựng hệ thống giao thông lập thể, phân làn giao thông người và xe, hình thành các nút chuyển xe thống nhất và nhiều tầng, có thể nâng cao tỷ lệ người sử dụng phương tiện giao thông công cộng, giảm thiểu lượng khí thải ô nhiễm. Những biện pháp này bao gồm bố trí bến xe đường dài ở phía nam ga đường sắt cao tốc, khiến cho hành khách không phải chuyển xe khi đi ra thành phố khác; bố trí bến xe công cộng ở phía Đông và phía Tây gần ga đường sắt cao tốc, tiện cho hành khách có thể chuyển xe trong phạm vi 400 m; tích cực đẩy mạnh giao thông đường sắt trong đô thị, dành riêng và xây dựng hành lang giao thông đường sắt đô thị cắt qua tuyến đường sắt cao tốc; bố trí phân tán các bãi đỗ xe nhằm giảm bớt sức ép giao thông khu vực.

IV. Kết luận

Thực tiễn xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm hiện nay của Trung Quốc thường được triển khai thông qua phương thức xây dựng khu thí điểm, công trình thí điểm. Xây dựng thể chế quản lý trong đó bộ máy quản lý là các ban quản lý, cơ sở quản lý là các biện pháp quản lý, từ đó ban quản lý tổ chức đề ra quy tắc xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật... để thực hiện quản lý quy hoạch, bảo đảm cho dự án xây dựng được tiến hành thuận lợi. Qua đó có thể thấy, muốn xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm, cần phải chú ý kết hợp với thị trường, chủ yếu dựa vào lực lượng hành chính để thực hiện. Khu Xikezhan cần phải triệt để lợi dụng điều kiện ưu thế của mình, tích cực tranh thủ được phê chuẩn là đô thị sinh thái

ít ô nhiễm đợt đầu trong cả nước. Dưới sự chỉ đạo của mục tiêu xây dựng khu thí điểm sinh thái ít ô nhiễm đầu tiên của thành phố Tê Nam, kiện toàn thể chế quản lý, đề ra quy tắc xây dựng và các tiêu chuẩn kỹ thuật hữu quan, quy phạm và chỉ đạo công tác quy hoạch xây dựng. Trong suốt quá trình quy hoạch xây dựng, cần ứng dụng khái niệm và kỹ thuật sinh thái ít ô nhiễm,

phần đầu trở thành tấm gương về công tác xây dựng đô thị sinh thái ít ô nhiễm của cả nước.

Phòng Văn Quyên

Tạp chí “Xây dựng đô thị và nông thôn”

số 3/2012

ND: Hoàng Thế Vinh

Kiểm soát nhà ở thu nhập hỗn hợp

Trong số những thách thức cam go nhất mà những kiến trúc sư đô thị phải đối mặt là những dự án kết hợp nhà ở thị trường với nhà cho thuê được trợ cấp.

Thiết kế phải giải quyết được vấn đề người có thu nhập trung bình sống liền kề với những người giàu có hơn họ trong những căn hộ gần nhau. Nhà giá thị trường phải đủ cao cấp để hút giá cao nhưng nhà ở giá rẻ không được vi phạm ngân sách.

Ron Moelis, nhà phát triển nhà ở giá rẻ của Công ty Phát triển L+M có trụ sở ở Westchester, có vẻ như đã tháo được nút thắt này bằng một tòa nhà thu nhập hỗn hợp ở quận Columbia Waterfront của Brooklyn. Được hoàn thành vào năm ngoái, tất cả 42 căn hộ đều đã được bán và 94 căn hộ đã được cho thuê, và người bình dân và người giàu đều sống hòa thuận.

Nhưng ông Moelis đã không thực hiện việc này bằng cách kết hợp nhà thị trường và nhà trợ giá trong cùng một tòa nhà, hay bằng cách buộc những căn hộ xa hoa trông phải giống như nhà cho thuê dành cho người thu nhập thấp hơn.

Thay vào đó, ông phân biệt rất rõ ràng nhà nào là nhà nào. Được xây dựng tại nơi vốn là nhà máy sản xuất đồ trang trí Giáng sinh, với khoản trợ cấp không nhỏ từ thành phố - dưới dạng giá đất rẻ, hợp đồng đóng thuế và 25 năm miễn thuế - dự án Columbia Hicks/Columbia Commons thể hiện sự tách biệt hình ảnh rõ ràng giữa thành phần giá rẻ và cao cấp.

94 căn hộ cho thuê của dự án được sắp xếp theo hình chữ U, và 42 căn hộ thị trường dàn



Tất cả 42 căn hộ đã được bán và 94 căn hộ đã được cho thuê trong tòa nhà Columbia Hicks, dự án Columbia Commons

trải thành hai tòa nhà riêng biệt, đem lại diện mạo giống như thỏi nam châm hình móng ngựa cho toàn bộ dự án.

Từ phố, đường phân cách giữa nhà cho thuê và nhà bán rất rõ ràng. Nhà bán được xây bằng gạch đỏ sậm màu hơn nhà cho thuê, và cửa sổ nhà bán được làm nề bằng đá theo trường phái cổ điển và phần mái có một đường gờ tinh tế. Toàn bộ ấn tượng ngoại thất đã được dự án định nghĩa lại, truyền thống hơn, phù hợp với Brooklyn sầm uất cổ kính. Nhà cho thuê tạo cảm giác tự nhiên hơn. Sự khác biệt không phải là quá lớn, nhưng đủ rõ ràng để ai cũng biết tòa nhà là sự kết hợp của hai sản phẩm.

“Người trả cả triệu đô cho một căn hộ muốn nó giống một căn hộ giá triệu đô”, David Gross, kiến trúc sư của GF55 Partners, công ty thiết kế tòa nhà, cho biết.

Tuy nhiên, hai loại căn hộ vẫn tồn tại song song vì dự án đã khéo léo sử dụng môi trường



Hành lang trong tòa nhà Columbia Hicks



Không gian chung ngoài trời

xung quanh. Phần nhà cho thuê, với quy mô lớn và có cảm giác quần thể, hướng về phía đường Brooklyn Queens, con đường xe cộ vẫn gầm rú bên dưới phố Hicks. Tuy nhiên, phần nhà bán với vẻ yên tĩnh hơn và sang trọng hơn, với những gờ đá, đường chỉ bao quanh cửa sổ và loại gạch nâu sậm cổ kính hơn, lại quay mặt về mặt phố nhiều cây, cổ kính bên kia đường Brooklyn.

Lối vào cũng tương đối khác nhau: Những người mua nhà có hai hành lang trang nhã nhưng vẫn hiện đại với một vài món đồ đặc bằng gỗ được thiết kế tinh xảo và tường vẽ nghệ thuật đi vào từ con phố nhiều cây, yên tĩnh; còn những người thuê nhà có một hành lang kiểu Spartan và một phòng xử lý thư từ nằm ở phía phố Hicks của tòa nhà.

Tuy nhiên, vẫn có cảm giác hòa hợp giữa người với người, vì bên trong, người thuê và người sở hữu nhà cùng chia sẻ một số tiện nghi, trong đó có sân và phòng tập thể dục chung. Julio và Sonia Ceda, hai nhân viên bệnh viện đã nghỉ hưu hiện đang sống trong một căn hộ

thuê ở khu Columbia Hicks cho biết họ vẫn nói chuyện với những người hàng xóm giàu có trên đường đi giặt đồ và khi đi ngang qua sân chung, và họ thấy thích cách bài trí căn hộ mới của họ hơn so với khu Cobble Hill nơi họ đã từng sống. Họ không bận tâm tới sự tách biệt hoàn toàn giữa người mua nhà và người thuê nhà.

“Có những người không có đủ tiền để mua một căn hộ, nhưng họ vẫn muốn sống một cuộc sống tươi tắn. Đây là cơ hội cho những người nghèo sống đầy đủ”, ông Ceda nói.

Viện Đất Đô thị tuần trước đã vinh danh dự án Columbia Waterfront của ông Moelis với giải thưởng Mô hình Jack Kemp Xuất sắc, giải thưởng mang tên cựu Bộ trưởng Nhà ở dành cho những dự án nhà ở cho lực lượng lao động được xây dựng với bản kế hoạch tài chính sáng tạo, xây dựng độc đáo và kết hợp chặt chẽ giữa nhà nước và tư nhân.

Nguồn: www.online.wsj.com

ND: Thu Huyền

Tối ưu hóa thiết kế hạng mục công trình

Tối ưu hóa thiết kế hạng mục công trình không những là tối ưu hóa đầu tư, mà còn bao gồm cả tối ưu hóa mức độ an toàn, công năng sử dụng và vận hành của công trình, là tối ưu hóa thiết kế tổng hợp các chuyên ngành. Xét dưới góc độ lợi ích cục bộ, tối ưu hóa đầu tư mang lại cho chủ đầu tư lợi ích kinh tế nhất

định; xét dưới góc độ lớn hơn, nó đem lại cho Nhà nước và xã hội lợi ích kinh tế - xã hội cao hơn. Tối ưu hóa an toàn chủ yếu là tiến hành tối ưu hóa thiết kế ở mặt phương án kết cấu và bố trí kết cấu nhằm tăng cường khả năng chống động đất và chống trọng tải ngẫu nhiên của kết cấu. Tối ưu hóa mức độ an toàn, tính năng sử

dụng và vận hành công trình có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển lâu dài của xã hội.

I. Những ảnh hưởng của tối ưu hóa thiết kế đối với đầu tư hạng mục công trình

Phương án thiết kế ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư công trình. Quá trình xây dựng hạng mục công trình bao gồm ba giai đoạn nghiên cứu tính khả thi của hạng mục và quyết sách, thiết kế công trình và thực hiện hạng mục. Then chốt của công tác đầu tư hạng mục công trình là giai đoạn quyết sách hạng mục và thiết kế công trình. Sau khi quyết sách đầu tư hạng mục công trình, giai đoạn thiết kế công trình trở nên quan trọng. Theo phân tích tình hình thị trường thiết kế hiện nay, chi phí thiết kế công trình xây dựng thường chỉ chiếm 1% - 2,5% tổng mức đầu tư công trình, thấp hơn rất nhiều so với chi phí quy định trong “Định mức lệ phí khảo sát thiết kế” của Nhà nước. Nhưng thiết kế công trình xây dựng quyết định trên 80% chất lượng đầu tư công trình. Trong đó, lựa chọn phương án kết cấu và công trình, lựa chọn vật liệu xây dựng có ảnh hưởng rất lớn đối với đầu tư. Xét tình hình thẩm tra bản vẽ công trình mấy năm gần đây, trong điều kiện đáp ứng yêu cầu về chức năng công trình xây dựng tương đồng, thiết kế kinh tế và hợp lý sẽ có thể khiến cho giá thành một số phần của công trình giảm đi 5%-10%, giá thành một số phần công trình khác có thể giảm đi 15% - 20%. Lựa chọn phương án kết cấu, bố trí kết cấu và hình thức móng hợp lý có thể hạ thấp giá thành công trình xuống rất nhiều. Ví dụ, lợi dụng nền đất tự nhiên, lựa chọn cọc móng phù hợp với thực tế... đều có thể hạ thấp giá thành đầu tư. Một siêu thị bốn tầng nọ có một tầng ngầm, tầng ngầm liền với công trình xây dựng cao tầng bên trên, diện tích công trình xây dựng là 17.000m², móng nền chịu lực được 140 KPa. Thiết kế cũ là móng cọc có thêm tầng chống ngầm nước, sau khi tối ưu hóa thiết kế, người ta lợi dụng nền đất tự nhiên, tiết kiệm khoảng 2 triệu nguyên đầu tư.

Chất lượng thiết kế ảnh hưởng gián tiếp đến

đầu tư công trình. Trong các sự cố chất lượng công trình, trách nhiệm chất lượng thiết kế chiếm một tỷ lệ nhất định. Hiện nay, về cơ bản, thiết kế công trình xây dựng không có quá trình tối ưu hóa thiết kế, thiết kế công năng không hợp lý ảnh hưởng tới công năng sử dụng và hiệu quả không gian. Những thiếu sót về chất lượng và tai họa an toàn tiềm ẩn tồn tại trong thiết kế khiến cho công trình phải làm đi làm lại nhiều lần hoặc dừng lại, có rất nhiều trường hợp mang lại tổn thất khá lớn cho chủ đầu tư. Ví dụ, cấu kiện mua theo yêu cầu của thiết kế kết cấu gây ảnh hưởng cho công năng sử dụng của công trình hoặc gây khó khăn cho việc lắp đặt thiết bị, buộc thiết kế phải thay đổi, khiến chi phí đầu tư tăng lên.

Phương án thiết kế ảnh hưởng tới giá so sánh của công trình và chi phí sử dụng công trình. Với cùng một mức đầu tư như nhau, chất lượng phương án thiết kế có ảnh hưởng rất lớn đối với giá so sánh của công trình. Nếu nhà xưởng công nghiệp có kết cấu bao quanh bằng kết cấu thép và kết cấu gạch thì tính năng sử dụng và chi phí duy tu bảo dưỡng của chúng chênh lệch nhau tương đối lớn, nhưng đầu tư lại chênh lệch nhau không lớn lắm. Trong điều kiện không tăng thêm chi phí đầu tư, thông qua tối ưu hóa thiết kế phương án thi công và bố trí kết cấu, còn có thể nâng cao mức độ an toàn của kết cấu, tăng cường tính năng chống động đất và chống trọng tải ngẫu nhiên của kết cấu. Việc thẩm tra bản vẽ thi công, bố trí mặt bằng một phần công trình xây dựng không hợp lý cũng sẽ khiến cho tính năng chống động đất của kết cấu kém, nâng cao chi phí đầu tư kết cấu, đầu tư cho tiết kiệm năng lượng trong công trình xây dựng cao, lãng phí năng lượng trong sử dụng hậu kỳ... Có nhiều nguyên nhân dẫn tới tình trạng trên, ví dụ đơn vị thiết kế chỉ thiết kế kiểu nhà khép kín theo yêu cầu của chủ đầu tư, sau khi được chủ đầu tư đồng ý, gò ép theo kiểu nhà mà chủ đầu tư yêu cầu, tạo ra các mặt bằng xây dựng, hoặc một số nhân viên thiết kế

chạy theo cái mới lạ, cái kỳ quặc trong phương án thiết kế, bố trí ra mặt bằng công trình “không giống ai”. Trong giai đoạn thiết kế, các nhân viên chuyên ngành như kết cấu, thiết bị... của một số đơn vị không tham gia thiết kế phương án, phương án thiết kế không được tối ưu hóa. Thông qua tối ưu hóa thiết kế quy hoạch và phương án xây dựng, chúng ta có thể giải quyết được các vấn đề trên.

Tối ưu hóa thiết kế không những có thể gây ảnh hưởng tới đầu tư mang tính một lần trong xây dựng hạng mục công trình, mà còn gây ảnh hưởng với chi phí sử dụng hậu kỳ của công trình xây dựng như thông gió vào mùa hè, giữ ấm vào mùa đông, tiêu hao năng lượng, chi phí bảo dưỡng duy tu... Thông qua tối ưu hóa thiết kế, có thể khiến cho đầu tư công trình xây dựng, tính năng, chi phí vận hành sử dụng hậu kỳ của công trình xây dựng trở nên hợp lý, kéo dài tuổi thọ sử dụng của công trình, giảm bớt chi phí không hợp lý.

II. Nguyên nhân khiến cho công tác tối ưu hóa thiết kế công trình xây dựng không đến nơi đến chốn

Thị trường thiết kế hiện nay tồn tại một số vấn đề như hạng mục công trình xây dựng tương đối nhiều nhưng hiện tượng thiết kế theo mẫu khá phổ biến; một số nhân viên thiết kế thiếu tinh thần trách nhiệm, chỉ quan tâm tới lợi ích trước mắt của mình, coi việc hoàn thành khối lượng nhiệm vụ thiết kế là mục tiêu, ít quan tâm đến chất lượng thiết kế và uy tín xã hội của đơn vị mình; tương đối phổ biến hiện tượng nhân tài thiết kế bỏ đi làm ở đơn vị khác sau khi đã được bồi dưỡng nghiệp vụ ở một số viện thiết kế lớn; trình độ kỹ thuật của các nhân viên thiết kế chênh lệch nhau tương đối lớn; tổ chức kỹ thuật của nhân viên một số đơn vị thiết kế thấp, chất lượng thiết kế công trình không cao...

Hiện nay, tuy hồ sơ thiết kế chỉ được sử dụng vào thi công công trình sau khi đã được cơ quan thẩm tra bản vẽ thi công thẩm định và

thông qua. Nhưng cơ quan thẩm tra thường chỉ tiến hành thẩm tra tính an toàn của hồ sơ thiết kế, chứ không thẩm tra nó đã tối ưu chưa và tính hợp lý của nó ra sao. Đặc biệt là có địa phương quy định rõ trong hồ sơ quản lý không yêu cầu tính hợp lý của bản vẽ thiết kế thi công, tính hợp lý của thiết kế công trình do đơn vị thiết kế chịu trách nhiệm trong giai đoạn thiết kế phương án.

Giai đoạn hiện nay, xã hội thiếu coi trọng công tác tối ưu hóa thiết kế, công tác này chưa thực sự phát huy tác dụng xứng đáng của nó. Đa số các chủ đầu tư thiếu tri thức về phương án thiết kế, chỉ yêu cầu đơn vị thiết kế quản lý các chỉ tiêu như vật liệu sắt thép, bê tông... trong giai đoạn thiết kế bản vẽ. Họ đâu có biết sai khi xác định xong, phương án thiết kế đã cơ bản quyết định trên 80% giá thành công trình. Có chủ đầu tư đặt trọng tâm quản lý đầu tư ở giai đoạn thi công, không tìm hiểu ảnh hưởng của thiết kế đối với đầu tư, chỉ biết tranh thủ giá thầu thấp nhất. Có chủ đầu tư coi trọng lợi ích kinh tế, quá quan tâm đến chi phí thiết kế, không lựa chọn đơn vị thiết kế có nghiệp vụ cao, mà chỉ chọn đơn vị có chi phí thiết kế thấp – những đơn vị thiết kế nhỏ, nhân viên thiết kế có trình độ kỹ thuật thấp, không có năng lực tối ưu hóa thiết kế. Ngay cả một số đơn vị thiết kế có quy mô lớn, vì sinh tồn, cũng không thể tối ưu hóa mối quan hệ giữa giá cả và chất lượng do cơ chế giá cả sai lệch, cũng không thể tiến hành tối ưu hóa thiết kế. Đồng thời, có rất ít chủ đầu tư hiểu rõ về thiết kế công trình, điều này khiến cho họ khó đánh giá toàn diện chất lượng của phương án thiết kế, đưa ra yêu cầu và kiến nghị tối ưu hóa thiết kế thi công một cách đúng đắn. Thậm chí, sau khi xác định phương án thiết kế công trình xây dựng, chủ đầu tư ra thời hạn đưa ra bản vẽ, đơn vị thiết kế không có thời gian tiến hành tối ưu hóa thiết kế. Ngoài ra đơn vị thiết kế không có động lực tối ưu hóa thiết kế. Hiện nay, họ còn phải dựa vào quan hệ để nhận thầu dự án thiết kế, một số địa phương và

ngành còn tồn tại hiện tượng bảo hộ nghiêm trọng, thiếu môi trường cạnh tranh công bằng. Vì vậy, một số đơn vị thiết kế không đặt trọng tâm công tác vào việc nâng cao trình độ kỹ thuật. Chi phí thiết kế chỉ liên quan với diện tích công trình xây dựng được thiết kế, chứ không liên quan tới chất lượng thiết kế, nên đơn vị thiết kế không so sánh phân tích phương án thiết kế. Ngay cả khi đơn vị thiết kế tốn công sức và tiền vốn vào việc tối ưu hóa phương án thiết kế, tìm được một phương án thiết kế tối ưu, họ cũng không được trả thù lao một cách xứng đáng và tương ứng. Các nguyên nhân nói trên đều kìm hãm công tác triển khai tối ưu hóa thiết kế công trình xây dựng.

III. Kiến nghị về công tác tối ưu hóa thiết kế hạng mục công trình

Trước hết, đơn vị thiết kế phải coi trọng công tác quản lý chất lượng thiết kế, tăng cường ý thức chất lượng công trình, phối hợp với các ngành, các chuyên ngành, tối ưu hóa hơn nữa sản phẩm thiết kế, dựa vào thiết kế chất lượng tốt để nâng cao uy tín xã hội. Điều tiết và phối hợp công trình xây dựng với kết cấu là nội dung quan trọng trong tối ưu hóa thiết kế. Ví dụ, ở công trình kết cấu khung, kiến trúc sư sử dụng hợp lý cột, khung..., xử lý tốt bề mặt xây dựng, không những kinh tế và an toàn, mà còn có thể giải quyết các vấn đề như nhà có nhiều cột..., tiện cho trang trí nội thất và sử dụng. Một kiến trúc sư nổi tiếng thế giới đã triệt để cấu kiện, kết cấu động lực học khi thiết kế công trình xây dựng của ông để làm đẹp cho công trình, khiến cho công trình và kết cấu kết hợp với nhau một cách hoàn mỹ. Một ví dụ khác, một số nhân viên thiết kế khéo léo xử lý vị trí máy điều hòa không khí, không những giải quyết được vấn đề lắp đặt thiết bị, mà còn tô điểm thêm cho công trình xây dựng thông qua thủ pháp xử lý.

Thứ hai, ngành chủ quản chính quyền còn cần phải coi trọng, tăng cường công tác tối ưu hóa thiết kế công trình xây dựng nhằm đẩy mạnh triển khai công tác tối ưu hóa thiết kế,

ngành chủ quản chính quyền có thể đề xướng thành lập cơ quan tư vấn tối ưu hóa thiết kế do các chuyên gia giỏi làm thành viên, thúc đẩy chính thể công tác tối ưu hóa thiết kế hạng mục công trình với một quy mô nhất định. Đơn vị thiết kế tiến hành thiết kế bản vẽ thi công dựa vào kết quả tư vấn đã tối ưu hóa, vừa giảm bớt lãng phí thiết kế, vừa nâng cao chất lượng thiết kế. Cơ chế giám sát quản lý thiết kế chưa phổ cập ở nước ta, các nhân viên hữu quan cơ quan tư vấn thiết kế có thể kết hợp giám sát quản lý thiết kế, triển khai công tác giám sát quản lý và tư vấn thiết kế. Các ngành chủ quản chính quyền cần phải tăng cường quản lý thị trường thiết kế, thông qua các khâu như quản lý năng lực, đăng ký nhân viên, gọi thầu thiết kế, thẩm tra bản vẽ..., xóa bỏ những hành vi như cậy nhờ vào quan hệ quen thuộc để nhận thiết kế...

Cuối cùng, cần phải tìm mọi cách đốc thúc nhân viên thiết kế nâng cao trình độ nghiệp vụ. Những pháp quy như “Luật Xây dựng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, “Điều lệ Quản lý chất lượng công trình xây dựng”, “Luật Gọi thầu đấu thầu nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”... đều có quy định về gọi thầu thiết kế, nhưng đôi khi vẫn xuất hiện gọi thầu xét thầu không quy phạm. Ngành chủ quản chính quyền cần quy phạm hành vi gọi thầu đấu thầu, hoàn thiện các khâu hữu quan, khiến cho công tác này đi vào quỹ đạo chính quy hóa. Khi gọi thầu thiết kế, cần phải mời chuyên gia có trình độ nghiệp vụ cao tiến hành xét thầu toàn diện các mặt kinh tế, kỹ thuật..., chọn lấy phương án tối ưu do đơn vị thiết kế ưu tú tiến hành thiết kế công trình. Các đơn vị thiết kế cần phải tăng cường sức cạnh tranh, gắn chặt lợi ích cá nhân của nhân viên thiết kế với chất lượng thiết kế trong quản lý nội bộ, thúc đẩy nhân viên thiết kế nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ.

Tối ưu hóa thiết kế hạng mục công trình là một vấn đề mang tính tổng hợp. Thông qua tối ưu hóa thiết kế, chúng ta có thể quản lý giá thành công trình, nhưng quyết không được

nhấn mạnh một cách phiến diện việc tiết kiệm đầu tư, đồng thời cần phải quan tâm tới việc tổng hợp, tối ưu hóa thiết kế về mức độ an toàn của kết cấu, tính năng công trình và vận hành sử dụng công trình hậu kỳ. Khi thiết kế công trình, cần chống lại khuynh hướng thiết kế nhấn mạnh tiết kiệm quá mức mà xem nhẹ yêu cầu hợp lý của kỹ thuật, vừa phải chống lại khuynh hướng thiết kế quá coi trọng kỹ thuật mà coi nhẹ góc độ kinh tế, dẫn tới lãng phí không cần thiết. Phải lấy hiệu quả tổng thể làm xuất phát

điểm, phân tích, tổng hợp và tối ưu hóa thiết kế, từ đó giành lại hiệu quả cao nhất. Lượng xây dựng công trình của nước ta rất lớn, tối ưu hóa thiết kế hạng mục công trình có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển bền vững của kinh tế và xã hội.

Trần Thủ Chương, Cao Tường Kỳ

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng" số 7 năm 2012

ND: Hoàng Thế Vinh

Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Cơ quan Bộ Xây dựng Nhiệm kỳ 2012 - 2017

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2012



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu chỉ đạo Đại hội



Thứ trưởng Cao Lại Quang trao bức trưng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tặng Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Cơ quan Bộ Xây dựng